**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ**

**\*\*\*\*\***

**TÀI LIỆU**

**LỚP BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN, CẬP NHẬT KIẾN THỨC MỚI**

**CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN, THỊ, THÀNH ỦY,**

**ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TỈNH ỦY QUẢN LÝ**

**QUẢNG TRỊ, THÁNG 7/2022**

*CHUYÊN ĐỀ:*

**CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA**

*Báo cáo viên:****Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Viết Thông, Nguyên Tổng thư ký Hội đồng lý luận Trung ương***

I. VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

**1. Chủ nghĩa Mác - Lênin có giá trị bền vững, sức sống lâu dài**

Chủ nghĩa Mác do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập vào khoảng giữa những năm 40 thế kỷ XIX ở Tây Âu, đến cuối thế kỷ XIX đầu XX, trong điều kiện lịch sử mới đã được V.I.Lênin bổ sung, phát triển thành chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ nghĩa Mác ra đời là một cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng của nhân loại. Nó mang bản chất cách mạng và khoa học, trở thành vũ khí tư tưởng - lý luận của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản nhằm nục tiêu giải phóng xã hội và con người thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công, tha hóa, phát triển toàn diện con người.

Từ khi ra đời cho đến nay, chủ nghĩa Mác đã tồn tại trên 170 năm, trải qua biết bao nhiêu biến cố thăng trầm của lịch sử. Mặc dù, mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ; mặc dù chủ nghĩa đế quốc cùng những thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn thâm độc nhằm chống phá, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn tồn tại, phát triển mà chưa có một học thuyết nào có thể thay thế được. Chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn là thế giới quan và phương pháp luận khoa học của hàng triệu triệu người trên trái đất. Đúng như lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nhận định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”[[1]](#footnote-2). Chủ nghĩa Mác-Lênin có giá trị bền vững, sức sống lâu dài trong thời đại ngày nay.

- Các đảng cộng sản và công nhân thế giới đều lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đến nay luôn khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng.

**2. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội**

Trong thời đại của Mác và Ăngghen, chưa có thực tiễn chủ nghĩa xã hội nhưng nhờ nắm chắc thực tiễn đương thời và bằng trí tuệ thiên tài của mình, các ông đã đặt nền móng cho chủ nghĩa xã hội khoa học, đã đưa ra những dự báo khoa học về những đặc trưng chung nhất, cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội mà cho tới nay những luận điểm cơ bản của nó vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn. Có thể nêu ra một số luận điểm sau:

- Chủ nghĩa xã hội từ khi trở thành khoa học cần phải được đối xử một cách khoa học, nghĩa là phải nghiên cứu nó, phải đặt nó trên mảnh đất hiện thực. C.Mác đã lấy khoa học thay thế cho mộng tưởng, Mác không bịa đặt ra những ảo tưởng, những dự đoán vu vơ để bắt hiện thực phải khuôn theo. “Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt... vấn đề tiến hóa của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó”[[2]](#footnote-3).

- Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định tính tất yếu thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”. Về sau này, V.I.Lênin khẳng định: các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội nhưng bằng những cách thức khác nhau, mang những đặc điểm khác nhau về nhịp điệu, phương pháp, đặc điểm dân tộc... Nghĩa là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội rất đa dạng, phong phú.

- Xây dựng chủ nghĩa cộng sản về thực chất là một sự nghiệp có tính chất kinh tế, nếu không sự nghèo nàn sẽ trở thành phổ biến, khi đó người ta sẽ đấu tranh với nhau để giành giật lấy miếng ăn.

- Theo V.I.Lênin, xây dựng chủ nghĩa xã hội không phải là con đường thẳng tắp, mà là quá trình lâu dài, khó khăn, phức tạp, thậm chí trải qua những đổ vỡ, những bước thụt lùi tạm thời.

- V.I.Lênin nhận định: Chủ nghĩa xã hội phải thường xuyên đổi mới và phát triển, chủ nghĩa xã hội không phải ngưng trệ, chết cứng ở một chỗ.

- Ngoài ra, C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin còn đưa ra những tư tưởng, quan điểm quan trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội như về cách mạng xã hội; về nhà nước chuyên chính vô sản; về dân chủ vô sản; về quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ những nước lạc hậu, về liên minh giai cấp và đấu tranh giai cấp; về tôn giáo, dân tộc; về xây dựng chính đảng vô sản; ...

- Bên cạnh những luận điểm, tư tưởng của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin có giá trị bền vững, sức sống lâu dài thì cũng không tránh khỏi có những luận điểm cụ thể của các ông đã bị thực tiễn vượt qua, không còn phù hợp nữa. C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin là những bậc thiên tài nhưng các ông cũng bị quy định bởi thời đại của các ông. Vì vậy, chúng ta không thể đòi hỏi các ông suy nghĩ, trả lời thay cho các thế hệ sau, trong đó có chúng ta, những vấn đề chưa xuất hiện ở thời đại các ông, hoặc thực tiễn khi đó chưa đặt ra. Tuy nhiên, những hạn chế mang tính lịch sử đó của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin không hề làm giảm giá trị thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Đại hội XIII của Đảng (2021) xác định: Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

II. VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

**1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng**

- Cương lĩnh năm 1991 của Đảng xác định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

- Đại hội IX của Đảng (2001) xác định: Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

- Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

- Đại hội XIII của Đảng (2021) xác định: Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

**2. Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới**

*2.1. Đổi mới, không ngừng đổi mới vì lợi ích của đất nước, dân tộc - sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đời hy sinh, phấn đấu vô cùng cao đẹp và sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chí Minh.*

- Cuộc đời của Hồ Chí Minh là cuộc đời một con người trọn đời vì dân, vì nước. Người chỉ có một ham muốn tột bậc “là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

- Chính lòng yêu nước nồng nàn, ý thức trách nhiệm trước vận mệnh đất nước, dân tộc là động lực thôi thúc Người nung nấu tinh thần đổi mới từ rất sớm, đổi mới không ngừng.

- Quyết định đi tìm chân lý cứu nước với một hướng đi mới, một phương pháp tiếp cận mới, phương thức hành động mới: Đi về phương Tây, tiếp thu những trào lưu tư tưởng mới, khảo nghiệm những cuộc cách mạng điển hình trên thế giới, tắm mình trong phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, bóc lột để tìm kiếm con đường giải phóng cho dân tộc - đó là cuộc đổi mới vĩ đại đầu tiên của Hồ Chí Minh, cuộc đổi mới mang ý nghĩa quyết định vận mệnh của đất nước, dân tộc.

- Trở về nước, Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt là Cách mạng tháng Mười Nga; đổi mới tư duy trong xây dựng, không ngừng hoàn thiện đường lối chiến lược, sách lược cách mạng; đổi mới phương thức lãnh đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân giành độc lập tự do, xây dựng Nhà nước cách mạng, tiến hành sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất đất nước, từng bước đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, khắc phục đói nghèo, lạc hậu... Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ 1941 khi Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng đến 1969 khi Người từ trần là một công cuộc đổi mới liên tục của Đảng, của nhân dân ta theo ngọn cờ và sự dẫn dắt của “Tổng công trình sư đổi mới” - Hồ Chí Minh.

- Trước khi về với thế giới người hiền, Hồ Chí Minh dự báo, tiên liệu bối cảnh thế giới, tình hình đất nước, phác thảo những đường nét cơ bản của công cuộc kiến thiết toàn diện đất nước sau chiến tranh theo tinh thần đổi mới thể hiện trong bản Di chúc bất hủ. Đó là sự đúc kết kinh nghiệm, bài học lịch sử và định hướng tiếp tục đổi mới, tạo nền tảng trực tiếp của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng, lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay.

- Thực tiễn cách mạng Việt Nam mấy chục năm qua khẳng định Hồ Chí Minh là hiện thân của đổi mới, là nhà thiết kế, thi công vĩ đại sự nghiệp cách mạng Việt Nam theo tinh thần và quyết tâm đổi mới.

*2.2. Tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới Hồ Chí Minh*

- Thuật ngữ và tư tưởng “đổi mới” được Hồ Chí Minh đề cập từ sớm trong tác phẩm “Đường kách mệnh” (1927), sau đó được Người nhắc lại, làm rõ thêm trong nhiều bài viết, bài nói, nổi bật là: “Sửa đổi lối làm việc” (1947), “Đời sống mới” (1947), “Dân vận” (1949), đặc biệt trong bản “Di chúc” thiêng liêng (1965 - 1969) để lại cho toàn Đảng, toàn dân trước lúc Người đi xa. Từ các các bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh toát lên một hệ thống luận điểm có giá trị nền tảng và định hướng về đổi mới.

*Trước hết*, theo Hồ Chí Minh, đổi mới là bản chất của cách mạng, của phát triển. Trong “Đường kách mệnh”, Người chỉ rõ: “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”. Nói về công cuộc kiến thiết đất nước sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, Người nhấn mạnh đó “là cuộc chiến đấu chống lại những cái gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”.

*Thứ hai*, triết lý đổi mới, chân lý đổi mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh là ích nước, lợi dân. “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý; “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”.

*Thứ ba*, đổi mới là sự nghiệp lâu dài, phức tạp, gian khổ, phải kiên định, kiên quyết, kiên trì, lựa chọn những bước đi thích hợp. Hồ Chí Minh luôn căn dặn: Thắng đế quốc, phong kiến là tương đối dễ, thắng bần cùng, lạc hậu còn khó hơn nhiều; đấu tranh xóa bỏ cái cũ, xây dựng cái mới là công việc cực kỳ to lớn, nặng nề, phức tạp và khó khăn, do vậy phải có kế hoạch tỉ mỉ, chuẩn bị chu đáo, thực hiện chắc chắn.

*Thứ tư*, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi mới không phải là phủ định sạch trơn, mà là sự kế thừa và phát triển; cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ, cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý, cái gì cũ mà tốt thì phát triển thêm, cái gì mới mà hay thì phải làm.

*Thứ năm*, sức mạnh của đổi mới là nhân dân. Hồ Chí Minh luôn căn dặn: “Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân”; để giành thắng lợi “cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục nhân dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của nhân dân8; phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tinh thần: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, Việt Nam sẵn sàng là bạn của các nước dân chủ.

*Thứ sáu*, Đảng là linh hồn của đổi mới. Đảng phải vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, căn cứ vào thực tiễn của Việt Nam và thế giới, bổ sung những tư liệu, vấn đề mà các nhà kinh điển “ở thời mình không thể có được” để đề ra và thực hiện đường lối, chủ trương đúng đắn. Hồ Chí Minh chỉ dạy: Thế giới ngày ngày đổi mới, xã hội ngày một phát triển, nhân dân ngày càng tiến bộ, do vậy, cán bộ, đảng viên không thể “giữ cái kẹp giấy cũ không thay đổi”, “tư tưởng, hành động cũng phải phát triển”, “phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”.

Hệ thống luận điểm về đổi mới của Hồ Chí Minh được diễn đạt giản dị, dễ hiểu nhưng hàm chứa chiều sâu, tầm cao về tư tưởng và đúc kết tinh túy đạo đức đổi mới, phong cách đổi mới của Người.

*2.3. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh soi sáng con đường đổi mới của đảng, của nhân dân ta*

- Vào giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội sâu sắc, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Đảng quyết tâm phát động, lãnh đạo công cuộc đổi mới. Trong quá trình trăn trở, tìm tòi con đường đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy phát triển đất nước, Đảng ta nhận thức sâu sắc: Muốn đổi mới tư duy, Đảng phải nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đúc kết những bài học từ thực tiễn cách mạng nước ta, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, năm 1986 - Đại hội khai phóng con đường đổi mới, trên cơ sở quán triệt những luận điểm cốt lõi của Hồ Chí Minh, đã nhấn mạnh các bài học: “Lấy dân làm gốc”; xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan; kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại; xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ.

Trải qua hơn 35 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, đồng thời với việc kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đặc biệt chú trọng kế thừa, cụ thể hóa tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới Hồ Chí Minh, đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và văn kiện các đại hội Đảng, các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương các nhiệm kỳ từ năm 1986 đến nay. Đường lối đổi mới của Đảng thấm nhuần sâu sắc tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ những nhận thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, trở thành ngọn cờ dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thực tiễn hơn 35 năm đổi mới đã minh chứng hùng hồn, nếu muốn thích ứng và đối phó mạnh mẽ với những vấn đề mà chủ nghĩa xã hội đang gặp phải, chúng ta phải học ở Hồ Chí Minh bằng cách phát triển những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người.

- Hiện nay đất nước ta bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI với thời cơ, vận hội lớn đan xen với không ít khó khăn, thách thức. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững, giữ vững hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng, toàn dân ta phải tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới. Với giá trị bền vững và sức sống mãnh liệt, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục soi đường, chỉ lối cho Đảng và dân tộc ta trên con đường đổi mới. Chúng ta cần quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo và phát huy những giá trị to lớn trong tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới của Người.

*Thứ nhất, kiên định, vững vàng và không ngừng sáng tạo xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*.

Muốn đổi mới thắng lợi, phải kiên định lý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội; kiên định nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò lãnh đạo của Đảng; kiên định đường lối đổi mới. Kiên định, vững vàng, không dao động, đổi mới không đổi mầu, nhưng không giáo điều, bảo thủ mà phải không ngừng sáng tạo.

Kết hợp tổng kết sâu sắc, toàn diện thực tiễn đổi mới của đất nước với nắm bắt, dự báo chính xác những chuyển biến mau lẹ của thời cuộc, những xu hướng phát triển mới của thế giới, cập nhật những tri thức mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhất là những bài học thành công của các nước phù hợp với điều kiện nước ta, không ngừng hoàn thiện đường lối đổi mới, làm cho đường lối đổi mới phản ánh, giải quyết đúng những đòi hỏi khách quan của thực tiễn đất nước, đồng thời phù hợp với xu thế thời đại.

Đổi mới không ngừng, đổi mới sáng tạo, đổi mới vững chắc - đó chính là kế thừa, phát triển tư tưởng đổi mới, biện chứng đổi mới Hồ Chí Minh trong bối cảnh lịch sử mới.

*Thứ hai, nền tảng đạo đức của đổi mới là lợi ích cao nhất của dân tộc, của nhân dân, hạnh phúc của con người*.

Lấy độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất và sự giàu mạnh của quốc gia làm mục đích cao nhất; lấy quyền làm chủ và lợi ích của nhân dân, sự phát triển toàn diện và hạnh phúc của con người Việt Nam làm đạo lý đổi mới. Nhân dân là chủ thể của đổi mới và là người thụ hưởng thành quả của đổi mới; con người là mục tiêu và động lực của đổi mới. Đó chính là bản chất nhân đạo, nhân văn của đổi mới theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đó cũng là giá trị bền vững và sức sống mãnh liệt của đổi mới. Thoát ly nền tảng đạo đức thì đổi mới không còn ý nghĩa gì.

*Thứ ba, đổi mới, phát triển là một quy luật vận động khách quan của lịch sử, là nhu cầu, khát vọng của nhân loại.*

 Toàn cầu hóa và sự phát triển bùng nổ công nghệ thông tin cùng hệ thống kết cấu hạ tầng toàn cầu làm cho các quốc gia ngày càng xích lại gần nhau, tùy thuộc lẫn nhau; hợp tác và hội nhập quốc tế trở thành một xu thế lớn không thể đảo ngược. Tư tưởng và sự chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về sự gắn bó chặt chẽ cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, về việc tăng cường hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trên cơ sở hòa bình, hữu nghị, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi… còn nguyên vẹn giá trị định hướng con đường đổi mới. Tranh thủ nguồn lực bên ngoài là rất quan trọng, song Hồ Chí Minh luôn căn dặn, nguồn lực nội sinh là quyết định, ngoại lực phải kết hợp với nội lực để nhân lên sức mạnh tổng hợp quốc gia; hợp tác, hội nhập nhưng phải giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính.

*Thứ tư, đổi mới là một quá trình cách mạng lâu dài, gian khổ, muốn giành thắng lợi, Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng với tư cách là lực lượng lãnh đạo phải tự đổi mới, nêu gương đổi mới, trước hết là đổi mới phong cách tư duy, phong cách lãnh đạo để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân.*

Hồ Chí Minh là tấm gương lớn, truyền lại bài học lớn về phong cách đổi mới: Nhạy bén nắm bắt diễn biến lịch sử, chủ động tranh thủ thời cơ, giữ vững nguyên tắc và mạnh dạn sáng tạo, kịp thời đổi mới, gắn liền lý luận với thực tiễn.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thống nhất với nhau, kết tinh thành lý luận - thực hành đổi mới. “Cống hiến lý luận của Hồ Chí Minh vừa có tính thời sự thiết thực, đáp ứng nhu cầu đương thời của cách mạng, vừa có giá trị lâu dài, là những gợi ý quan trọng và nguồn cảm hứng cho các thế hệ cách mạng về sau. Được hiểu và vận dụng một cách sáng tạo hệ thống luận điểm lý luận của Hồ Chí Minh có khả năng thích hợp với những diễn biến mới hiện nay của lịch sử, sống và phát huy tác dụng lâu dài trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới”.

III. KIÊN ĐỊNH, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

**1. Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ**: Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**2. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ:**

- Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội. Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển.

- Mặt khác, Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại. Trong thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Chính vì vậy, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

- Và điều hết sức quan trọng là phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin - học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học. Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống./.

*CHUYÊN ĐỀ:*

**QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG**

**VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI**

*Báo cáo viên:****Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Viết Thông, Nguyên Tổng thư ký Hội đồng lý luận Trung ương***

I. ĐẢNG TA LUÔN COI TRỌNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI

**1. Khái niệm văn hóa**

- Chúng ta đều đã biết, văn hóa là một phạm trù rất rộng, có thể được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau với nhiều cách tiếp cận khác nhau, rất phong phú, đa dạng. Đến nay, trên thế giới có tới gần 200 định nghĩa khác nhau về văn hóa. Nhưng chung quy có thể hiểu theo hai nghĩa: Nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Nghĩa rộng thì văn hóa là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định (thời kỳ đồ đá, thời kỳ đồ đồng,... văn hóa Đông Sơn, văn hóa lúa nước,...).

Nghĩa hẹp thì văn hóa là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm có những lĩnh vực: Giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức (lối sống, cách cư xử, ứng xử giữa người với người...).

- Văn hóa cũng bao gồm cả văn hóa vật thể (các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, di sản văn hóa, những sản phẩm văn hóa: Kim tự tháp, đình, chùa, miếu thờ...) và phi vật thể (ca dao, dân ca, hò vè, lễ hội; các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, mỗi dân tộc, mỗi địa phương...). Văn hóa chúng ta bàn ở đây chủ yếu là theo nghĩa hẹp.

- Nhưng dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì khi đã nói đến văn hóa là nói đến những gì là tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, đặc sắc nhất, rất nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, nhân tình, tiến bộ (một con người có văn hóa, một gia đình có văn hóa, một dân tộc có văn hóa; lối sống văn hóa, nếp sống văn hóa, cách ứng xử có văn hóa...). Còn những gì xấu xa, việc làm ti tiện, đớn hèn, những hành động phi pháp, bỉ ổi... là vô văn hóa, phi văn hóa, phản văn hóa. Hạnh phúc của con người không phải chỉ ở chỗ nhiều tiền, lắm của, ăn ngon, mặc đẹp, mà còn ở sự phong phú về tâm hồn, được sống giữa tình thương và lòng nhân ái, lẽ phải và công bằng.

**2. Quá trình phát triển nhận thức của Đảng ta về văn hóa**

Việt Nam là một đất nước có hơn 4 nghìn năm lịch sử, trải qua không biết bao nhiêu sự biến đổi, thăng trầm do thiên nhiên và con người gây ra, đã tích lũy, tạo ra và phát huy được nhiều giá trị, bản sắc văn hóa riêng của dân tộc, làm nên hồn cốt của dân tộc; đồng thời tiếp thu và góp phần đóng góp vào nền văn hóa chung của nhân loại.

- Nhận thức sâu sắc được vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của văn hóa trong sự phát triển của đất nước ta, dân tộc ta, cho nên ngay từ trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, Đảng ta đã đề cập đến vấn đề phải phát triển văn hóa của dân tộc; và năm 1943, khi nước nhà còn chưa giành được độc lập, Đảng ta đã đề ra "Đề cương văn hóa Việt Nam", trong đó chỉ rõ "Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (chính trị, kinh tế, văn hóa)", và chủ trương phát triển văn hóa theo ba hướng: Dân tộc - Khoa học - Đại chúng. Những quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong văn kiện quan trọng này đã tạo ra một luồng sinh khí mới để tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, tập hợp nhân dân phát huy vai trò của văn hóa, thống nhất về nhận thức, tư tưởng và tổ chức, khơi dậy khát vọng của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, năm 1945.

- Trong cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược, với khẩu hiệu "Văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa", "xây dựng đời sống mới", văn hóa Việt Nam đã thực sự trở thành động lực tinh thần để huy động tất cả mọi nguồn lực cho cuộc kháng chiến, góp phần quan trọng làm nên Chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", năm 1954.

- Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, cả nước ta đã tập trung vào thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giành thống nhất nước nhà, Đảng ta đã thường xuyên quan tâm đến công tác văn hóa, động viên và cổ vũ đội ngũ văn nghệ sĩ và những lực lượng làm công tác văn hóa phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, con người mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng năm 1960 đã xác định mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về văn hóa và áp dụng những nhận thức đó vào việc xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, thiết thực, phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đảng ta đã nhấn mạnh đến công tác phát triển nền văn nghệ, báo chí, xuất bản, truyền thanh, điện ảnh, thư viện, bảo tồn, bảo tàng, nâng cao tính tư tưởng, tính chiến đấu, tính quần chúng của các công việc đó. Đồng thời, Đảng ta cũng đã đặc biệt quan tâm đến công tác văn hóa quần chúng, xây dựng các hoạt động và các thiết chế văn hóa ở cơ sở, nâng cao dân trí, xây dựng đời sống văn hóa mới, cải tạo các thói quen và nếp sống cũ, xây dựng thói quen và lối sống mới.

- Sự lãnh đạo của Đảng trong suốt thời kỳ từ năm 1960 đến năm 1975 đã góp phần phát huy vai trò của văn hóa Việt Nam thực hiện nhiệm vụ vừa kiến quốc, vừa kháng chiến, huy động được các binh chủng, các lực lượng làm công tác văn hóa của toàn dân tham gia vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giành Đại thắng mùa xuân năm 1975, thống nhất Tổ quốc, thu giang sơn về một mối. Lời kêu gọi thiết tha, sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do!"; "Nước Việt Nam là một, Dân tộc Việt Nam là một! Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!" đã trở thành lẽ sống thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam, là hồn cốt thiêng liêng của văn hóa Việt Nam!; "Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh!"; thậm chí "Còn cái lai quần cũng đánh!" (chị Út Tịch). Đồng thời: "Đạp quân thù xuống đất đen, súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa!".

- Đại hội IV của Đảng đã đánh giá rất cao về những đóng góp của ngành văn hóa, văn học nghệ thuật Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước và khẳng định: Nền văn hóa, văn nghệ nước ta xứng đáng đứng vào "Vị trí tiên phong của nền văn hóa văn nghệ chống đế quốc, phong kiến trên phạm vi toàn thế giới trong thời đại ngày nay". Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta chẳng những là Lãnh tụ thiên tài, Người thầy vĩ đại của Cách mạng Việt Nam, Người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, mà còn là Nhà văn hóa kiệt xuất, được thế giới phong tặng danh hiệu vẻ vang "Danh nhân văn hóa thế giới"! (cùng với Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Chu Văn An và mới hôm qua có thêm: Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Xuân Hương).

- Từ năm 1975 đến năm 1985 là giai đoạn bản lề chuyển từ chiến tranh sang hòa bình, đất nước ta phải khắc phục hàng loạt những hậu quả của chiến tranh, khôi phục lại các cơ sở kinh tế, văn hóa, giáo dục bị tàn phá; thống nhất về thể chế và thiết chế văn hóa trên phạm vi cả nước. Đồng bào cả nước đã đồng cam, cộng khổ, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng để vượt qua những thách thức do cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình hình phức tạp của quốc tế lúc đó gây ra.

- Bước vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã tiến hành đổi mới đồng bộ và toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Riêng về lĩnh vực văn hóa, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết, quyết định, chỉ thị rất quan trọng để tập trung xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới.

+ Trên cơ sở tổng kết những thành tựu đã đạt được về lĩnh vực văn hóa những năm đầu thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII năm 1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là những nghị quyết có ý nghĩa chiến lược về phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đảng ta đã chọn 8 lĩnh vực để tập trung chỉ đạo, trong đó quan trọng nhất là vấn đề xây dựng con người với trọng tâm là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

+ Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã xác định, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

+ Tiếp đó là Nghị quyết số 33 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI năm 2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Trong Nghị quyết này, Đảng ta tiếp tục khẳng định những quan điểm, nhiệm vụ mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã nêu; đồng thời bổ sung, nhấn mạnh một số vấn đề mới, khẳng định mục tiêu, vai trò, nhiệm vụ của văn hóa.

Về mục tiêu chung, Đảng ta chỉ rõ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, tính nhân văn, dân chủ và khoa học; làm cho văn hóa phải thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. Đảng ta nhấn mạnh, văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; làm rõ đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; nhấn mạnh trọng tâm của việc xây dựng văn hóa là xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp… Trong Nghị quyết này, Đảng ta đã xác định một số nhiệm vụ mới là xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và hoàn thiện thị trường văn hóa.

+ Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Kết luận số 76-KL/TƯ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TƯ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Từ đó có thể khẳng định rằng: Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng vai trò của văn hóa và hết sức quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn. Đảng ta xác định:

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta. Nói sâu sắc, ngắn gọn như Bác Hồ là: "Văn hóa soi đường cho quốc dân đi"!

- Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội; kế thừa những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc đồng thời tiếp thu có chọn lọc những thành tựu, tinh hoa văn hóa của thế giới, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao.

- Đảng ta khẳng định: Con người là chủ thể, giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí của phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là một tiêu chí của tiến bộ, văn minh.

- Đảng ta khẳng định: Trọng tâm xây dựng và phát triển văn hóa là xây dựng con người có nhân cách và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; chú trọng mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, văn hóa và kinh tế; xây dựng văn hóa trong Đảng và trong hệ thống chính trị; xây dựng văn hóa công chức, văn hóa công vụ, đặc biệt là đạo đức công vụ, chú trọng sự nêu gương của cán bộ, đảng viên. Đảng ta cũng đã xác định, chủ thể xây dựng và phát triển văn hóa là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo; đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ đóng vai trò quan trọng; nhấn mạnh đến phát huy tối đa các nguồn lực từ Nhà nước và xã hội, từ trong nước và nước ngoài để phát triển văn hóa.

Như vậy, nhận thức của Đảng ta về xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới đã từng bước được bổ sung, phát triển và ngày càng hoàn thiện, toàn diện và sâu sắc hơn. Đây là tiền đề rất cơ bản để chúng ta quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện trong thực tế".

II. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI

**1. Thành tựu**

Nhìn lại những thành tựu trên lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là trong 35 năm đổi mới gần đây, chúng ta có quyền tự hào về những đóng góp to lớn của nền văn hóa vào sự nghiệp cứu quốc và kiến quốc. Những thành tựu nổi bật cần khẳng định là:

- Nhận thức về văn hóa ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn trên các lĩnh vực, các loại hình; các sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu mới, nhiều mặt của xã hội.

- Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát triển.

- Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả, tích cực.

- Công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa có bước khởi sắc.

- Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế có bước phát triển mới.

- Xây dựng con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây tác hại đến văn hóa, lối sống được chú trọng.

- Nhiều tấm gương sáng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đã được biểu dương, lan tỏa vào đời sống xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa nói riêng, xây dựng và phát triển đất nước nói chung.

 **2. Hạn chế, yếu kém**

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta cũng cần nhìn thẳng vào những hạn chế, bất cập, yếu kém trên lĩnh vực văn hóa.

- Yếu kém nổi bật được nhắc lại nhiều lần lâu nay là văn hóa chưa được các cấp, các ngành nhận thức một cách sâu sắc và chưa được quan tâm một cách đầy đủ, tương xứng với kinh tế và chính trị; chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước.

- Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng nặng về chức năng giải trí.

- Phát triển các lĩnh vực văn hóa chưa đồng bộ, còn phiến diện, nặng về hình thức, chưa đi vào chiều sâu, thực chất.

- Thiếu những tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật lớn, tầm cỡ, phản ánh được tầm vóc của sự nghiệp đổi mới, có tác dụng tích cực đối với việc xây dựng đất nước, xây dựng con người.

- Môi trường văn hóa vẫn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực.

- Sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các miền còn lớn. Đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo còn không ít khó khăn. Nhiều di sản văn hóa quý báu của dân tộc có nguy cơ bị xuống cấp, mai một, thậm chí bị tiêu vong.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa còn lúng túng, chậm trễ, nhất là trong việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa.

- Đầu tư cho văn hóa chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao…

- Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới.

- Công tác giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài chưa mạnh; tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại còn hạn chế; chưa coi trọng đúng mức và có biện pháp tích cực để giữ gìn, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp, đặc sắc của dân tộc; nhiều khi bắt chước nước ngoài một cách nhố nhăng, phản cảm, không có chọn lọc (nói nặng ra là "vô văn hóa", "phản văn hóa").

 **3. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém**

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan vẫn là chính.

- Đặc biệt là trong công tác lãnh đạo, quản lý, chúng ta chưa nhận thức thật đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về đường lối văn hóa của Đảng, nhất là trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

- Phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa chậm được đổi mới, chưa thích ứng kịp thời với sự vận động và phát triển văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối văn hóa của Đảng còn thiếu đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả.

- Công tác tổ chức và công tác cán bộ trên lĩnh vực văn hóa còn nhiều bất cập.

- Trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ, đảng viên đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển văn hóa chưa cao.

III. ĐẠI HỘI XIII NHẤN MẠNH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI

 **1. Bối cảnh mới đòi hỏi phải phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam**

- Với tầm nhìn từ nay cho đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nền văn hóa Việt Nam cũng đang đứng trước những thời cơ và thách thức mới. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong 35 năm đổi mới vừa qua đã tạo nên thế và lực mới, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế; niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là một lợi thế cực kỳ to lớn để chúng ta tăng cường lòng tự hào dân tộc, quyết tâm đổi mới và chấn hưng văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới. Mặt khác, những thiếu sót, khuyết điểm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng văn hóa vừa qua cũng là những rào cản lớn đối với phát triển văn hóa. Sự tác động của quá trình toàn cầu hóa, cạnh tranh quốc tế và cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cũng sẽ diễn ra quyết liệt, phức tạp hơn. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, xã hội số, văn hóa số... vừa đem lại những cơ hội, vừa tạo ra thách thức mới trong việc xây dựng và phát triển văn hóa. Đồng thời, chúng ta cũng đang đứng trước những thách thức của an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống, nhất là sự biến đổi khí hậu và dịch bệnh, trước hết là đối phó, thích ứng và sống cùng đại dịch Covid-19, vừa bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phát triển kinh tế - xã hội.

- Đứng trước những thời cơ và thách thức mới, yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng nước ta là phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là "nền tảng tinh thần", "động lực phát triển", và "soi đường cho quốc dân đi"; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thành công mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

- Có thể nói, phát triển văn hóa là một trong những vấn đề trọng tâm, một nội dung nổi bật trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Đây là lần đầu tiên trong văn kiện Đại hội Đảng, Đảng ta đề cập một cách toàn diện và sâu sắc đến lĩnh vực văn hóa, từ chủ đề Đại hội đến các quan điểm, mục tiêu, định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược. Văn kiện Đại hội đã nhấn mạnh một trong những quan điểm chỉ đạo cốt lõi và xuyên suốt là: "Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nền văn hóa và con người Việt Nam... kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất".

**2. Để tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hóa của dân tộc, chúng ta cần tập trung thực hiện thật tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:**

*Một là*, khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người Việt Nam, tạo nguồn lực nội sinh và động lực đột phá để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025, 2030, tầm nhìn 2045 mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

*Hai là*, xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: Ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; trên nền tảng của hệ giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc.

*Ba là*, phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa: Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hóa mới. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh gắn liền với đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu, cái ác, phi văn hóa, phản văn hóa; bảo vệ những giá trị chân - thiện - mỹ. Nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa vui tươi, lành mạnh, hạnh phúc; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền của đất nước.

*Bốn là*, phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hóa là nhân dân; tôn trọng và bảo vệ sự biểu đạt đa dạng của văn hóa, của người dân, các dân tộc, các vùng, miền; phát triển các phong trào văn hóa sâu rộng, thực chất; cải thiện điều kiện, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, bảo đảm sự công bằng. Đề cao, phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, của những người làm công tác văn hóa.

*Năm là*, chú trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hóa, về đạo đức; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, để Đảng ta và hệ thống chính trị của nước ta thật sự là đạo đức, là văn minh, tiêu biểu cho lương tri và phẩm giá con người Việt Nam. Xây dựng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu theo tư tưởng, đạo đức, phong cách văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng; hiệu quả quản lý của Nhà nước; sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong sự nghiệp phát triển văn hóa.

*Sáu là*, xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh.

**3. Để chấn hưng và phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam theo phương hướng nói trên, trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung thực hiện một cách quyết liệt và có hiệu quả một số giải pháp sau:**

*Trước hết là,* tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa để đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước nhằm bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong xây dựng, phát triển văn hóa từ trung ương đến cơ sở. Cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp phải nhận thức sâu sắc và quán triệt đầy đủ các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về văn hóa và trên cơ sở đó xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển văn hóa. Khắc phục tư tưởng "duy kinh tế", chỉ tập trung cho kinh tế mà ít quan tâm đến văn hóa. Phải quán triệt nghiêm túc quan điểm "văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội". Đại hội XIII của Đảng vừa qua đã xác định: Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước ta trong thời gian tới là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Đây là quan điểm chỉ đạo rất cơ bản cần phải được triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt trong nhiệm vụ của các ngành, các cấp.

- Đối với công tác quản lý nhà nước, cần sớm khắc phục tình trạng chậm thể chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và các chính sách cụ thể, khả thi về phát triển văn hóa, xây dựng con người. Đẩy mạnh công tác sắp xếp lại tổ chức bộ máy quản lý văn hóa từ trung ương đến cơ sở. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách phù hợp, chú ý đến tính đặc thù của hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Nâng mức đầu tư một cách hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội, nguồn lực trong nước và nước ngoài cho phát triển văn hóa. Trong quá trình đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, Nhà nước cần chú trọng đầu tư vào dòng chủ lưu của văn hóa cách mạng để làm nòng cốt và dẫn dắt, truyền cảm hứng chủ đạo trong việc bồi dưỡng tư tưởng, tâm hồn, tình cảm trong sáng, lành mạnh, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội.

*Thứ hai là*, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới; sớm khắc phục tình trạng chắp vá, tùy tiện trong bố trí cán bộ làm công tác văn hóa, ở cả trung ương và địa phương.

- Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc". Công tác lãnh đạo và quản lý văn hóa không chỉ đòi hỏi có phẩm chất chính trị mà còn phải có trình độ chuyên môn, am hiểu đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, có tầm nhìn sâu rộng, có khả năng vận động và thuyết phục các tầng lớp nhân dân tham gia vào công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa. Đặc biệt chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ làm công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật. Đội ngũ này có vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp văn hóa nói riêng và trong sự nghiệp cách mạng nói chung.

- Bác Hồ đã từng căn dặn: "Để làm trọn nhiệm vụ cao quý của mình, văn nghệ sĩ cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, giữ gìn thái độ khiêm tốn; phải thật sự hòa mình với quần chúng, cố gắng học tập chính trị, trau dồi nghề nghiệp" (Hồ Chí Minh toàn tập; tập 10, trang 647).

- Đổi mới chính sách đãi ngộ, sử dụng đối với đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa. Tôn vinh tài năng và cống hiến của họ cho sự phát triển văn hóa nước nhà.

- Bên cạnh việc tập trung nâng cao đời sống văn hóa ở cơ sở, cần phải chú trọng xây dựng và phát triển văn hóa đỉnh cao, phấn đấu có nhiều tài năng lớn ở các loại hình văn hóa, nghệ thuật, có những tác phẩm tầm cỡ, phản ánh được sâu sắc hiện thực đổi mới vĩ đại của đất nước, có ý nghĩa tích cực trong việc xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam hiện nay.

*Thứ ba là*, quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Phát triển "sức mạnh mềm" của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới. Hiện nay, cả nước ta có tới 166 bảo tàng, trong đó có 4 bảo tàng quốc gia với hơn 3 triệu hiện vật; 3.486 di tích được xếp hạng quốc gia, trong đó có 1.626 di tích lịch sử; 105 di tích quốc gia đặc biệt; 288 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (riêng Hà Nội có 21 lễ hội); 27 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO công nhận là "di sản văn hóa thế giới" (riêng tỉnh Bắc Ninh đã có 2 di sản văn hóa thế giới là Dân ca quan họ và Ca trù)... Đó là một tài sản vô cùng quý báu do tổ tiên, cha ông ta mấy nghìn năm để lại, không phải nơi nào cũng có được; chúng ta có trách nhiệm phải giữ gìn, trân trọng và phát huy. Nếu không là chúng ta có tội với lịch sử, là vong ân bội nghĩa với tổ tiên, cha ông chúng ta. Bác Hồ trước lúc đi xa vẫn còn dặn lại rằng: "Muốn yêu Tổ quốc mình thì phải yêu những khúc hát dân ca!" (Nhạc sĩ Trần Hoàn với bài hát rất xúc động "Lời Bác dặn trước lúc đi xa"; "Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò ví dặm").

*Thứ tư là*, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục của gia đình và xã hội; nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; trọng tình nghĩa, trọng công lý và đạo lý xã hội ("Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng"; "Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"; "Thương người như thể thương thân"; "Lá lành đùm lá rách"; "Lá rách ít đùm lá rách nhiều"; "Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ"; "Kính lão đắc thọ"; "Kính già, già để tuổi cho"; "Anh em như thể chân tay"; "Kính trên nhường dưới"; "Vợ ta đói rách ta thương, vợ người áo gấm xông hương mặc người"; "Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn; Thuận bè thuận bạn tát cạn biển Đông"; "Đói cho sạch, rách cho thơm"; "Thật thà là cha quỷ quái"; "Tôn sư trọng đạo"; "Lời chào cao hơn mâm cỗ"; "Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng"; giữ lấy "nếp nhà", giữ lấy "Chân quê" (bài thơ của Nguyễn Bính năm 1936); giữ lấy tình nghĩa thủy chung son sắt (bài thơ "Việt Bắc" của nhà thơ Tố Hữu năm 1954)... Xây dựng các quy tắc ứng xử văn minh trong các cơ quan công quyền, trong cộng đồng, nhất là trong không gian mạng, trong giới văn nghệ sĩ…

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống tham ô, tham nhũng, tiêu cực; chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "quét sạch chủ nghĩa cá nhân", nguồn gốc của mọi sự tham nhũng, tiêu cực, hư hỏng ngay trong các ngành văn hóa, các cơ quan làm công tác văn hóa. Chú trọng thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 các khóa XI, XII và đặc biệt là các kết luận, quyết định của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII của Đảng mới đây về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

Bộ Chính trị đã tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc là một dịp quan trọng để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, nhất là những người làm công tác văn hóa, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ của cả nước, quán triệt sâu sắc, toàn diện và đồng bộ hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng ta, đặc biệt là quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về việc xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Chúng ta cùng nhau nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ hơn và toàn diện hơn về vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cũng như trong việc thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, xứng tầm với sự nghiệp đổi mới và truyền thống lịch sử vẻ vang ngàn năm văn hiến của dân tộc.

Đồng chí Tổng Bí thư tha thiết mong rằng, sau hội nghị này, công tác văn hóa của chúng ta sẽ có bước chuyển biến, tiến bộ mới, mạnh mẽ hơn nữa, hiệu quả cao hơn nữa, ghi một dấu mốc mới trên con đường chấn hưng, phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới. Đồng chí Tổng Bí thư tin rằng, với một đất nước, một dân tộc trọng văn hiến, trọng hiền tài, giàu truyền thống yêu nước và cách mạng; Nhân dân đoàn kết, cần cù, sáng tạo; đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ tâm huyết, tài năng, có trách nhiệm cao với Nhân dân, với Đảng, với Tổ quốc và tương lai của dân tộc; cùng với sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, nhất định chúng ta sẽ khắc phục được mọi khó khăn, vượt qua mọi thách thức để chấn hưng và xây dựng thành công một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp tục làm vẻ vang thêm cho dân tộc, cho giống nòi, tạo thành sức mạnh vô song để xây dựng Tổ quốc ta ngày càng cường thịnh, Nhân dân ta ngày càng hạnh phúc, đất nước ta ngày càng phồn vinh, xứng đáng với truyền thống ngàn năm văn hiến và anh hùng của một dân tộc anh hùng, sánh vai với các cường quốc năm châu trên thế giới./.

*CHUYÊN ĐỀ:*

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ SAU 02 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVII (NHIỆM KỲ 2020-2025), GIẢI PHÁP TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM TRONG THỜI GIAN TỚI**

*Báo cáo viên:****Đồng chí Võ Văn Hưng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh***

**I. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỪ ĐẦU NHIỆM KỲ ĐẾN NAY**

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII diễn ra trong bối cảnh nhiều thuận lợi nhưng gặp không ít khó khăn. Ngay từ đầu nhiệm kỳ đã diễn ra đại dịch Covid-19 và tiếp diễn đến nay, tháng 10/2020 đã diễn ra lũ lụt lịch sử, gây tác động nặng nề đến sản xuất và đời sống người dân, trong tháng 4/2022 cũng đã xảy ra 02 đợt mưa lớn bất thường làm hư hại một diện tích lớn lúa và hoa màu. Phát huy tinh thần đoàn kết, ý chí và khát vọng phát triển, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh đã tập trung khắc phục khó khăn, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra, chủ động xây dựng các kịch bản, giải phápthực hiện “mục tiêu kép”; vừa ưu tiên ở mức cao nhất cho công tác phòng chống dịch Covid-19; vừa duy trì, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đạt được một số kết quả quan trọng trên các mặt phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Một số kết quả nổi bật như sau:

- Kết thúc năm 2021, tỉnh đã đạt được 21/24 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu được thực hiện hoàn thành, trong đó có 6 chỉ tiêu quan trọng đã vượt kế hoạch đề ra; Tổng sản phẩm trên địa bàn (GSS2010) đạt khoảng 21.202 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt 57,5 triệu đồng; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn có bước đột phá mạnh mẽ, đạt 5.511,45 tỉ đồng, lập kỷ lục từ trước tới nay[[3]](#footnote-4); Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng[[4]](#footnote-5); Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 767,21 triệu USD, trong đó xuất khẩu đạt 231,32 triệu USD, nhập khẩu đạt 535,89 triệu USD.

Với việc tập trung chỉ đạo quyết liệt và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các chủ đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án có quy mô lớn như: cao tốc Cam Lộ - La Sơn, các dự án điện gió, điện mặt trời, hệ thống cấp điện và nhiều công trình hạ tầng quan trọng khác. Trong năm đã có 19 dự án điện gió với tổng công suất 671,1MW; 03 dự án điện mặt trời với tổng công suất 127MW và 11 dự án thủy điện với tổng công suất 167,5MW được đưa vào vận hành thương mại; nâng tổng công suất phát điện trên địa bàn tỉnh đến thời điểm này là 965,6MW. Dự án Trạm biến áp 220kV Lao Bảo và Đường dây 220kV Đông Hà - Lao Bảo đã được xây dựng hoàn thành, đóng điện, sẵn sàng đấu nối và truyền tải công suất các dự án điện gió. …Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (giá hiện hành) ước tính đạt 28.534 tỷ đồng, vượt 29,7% kế hoạch đề ra và tăng 49,9% so với năm 2020.

Nhiệm vụ cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh có nhiều tiến bộ; công tác đăng ký kinh doanh, phát triển doanh nghiệp được quan tâm chỉ đạo, thời gian xử lý các thủ tục đăng ký kinh doanh được rút ngắn dưới mức bình quân của cả nước.... Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt 63,33 điểm, xếp thứ 41/63 tỉnh, thành.Mặc dù vẫn giữ nguyên vị trí xếp hạng nhưng tổng điểm cao hơn 0,26 điểm so với năm 2020. Công tác vận động, thu hút, kêu gọi các dự án đầu tư trọng điểm và làm việc với các nhà đầu tư chiến lược đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Trong năm đã có 70 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng vốn 72.009,68 tỷ đồng, tăng hơn 2,6 lần so với năm 2020.

Công tác phòng chống dịch Covid-19 được thực hiện có hiệu quả.Triển khai thực hiện kịp thời, đúng đối tượng chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

Chất lượng giáo dục được nâng lên,quy mô mạng lưới trường lớp trong toàn tỉnh đã được tổ chức, sắp xếp lại từng bước hợp lý. Các chương trình, đề án đào tạo nghề cho người lao động được thực hiện theo hướng nâng cao chất lượng, gắn với nhu cầu thực tiễn và thị trường. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 68,5%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 32%. Công tác chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, xóa đói giảm nghèo được quan tâm[[5]](#footnote-6). Quốc phòng - an ninh được bảo đảm, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững,...

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, bối cảnh tình hình chung của cả nước, tỉnh Quảng Trị tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức như: giá cả nguyên vật liệu tăng cao, thời tiết khí hậu diễn biến dị thường, một số tháng đầu năm dịch covid tiếp tục ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của kinh tế - xã hội; tình hình kinh tế của Quảng Trị vẫn có một số chuyển biến tích cực; tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tính tăng 3,50% so với cùng kỳ năm trước[[6]](#footnote-7). Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 2.856,023 tỷ đồng, đạt 68,8% dự toán địa phương và 83,3% dự toán Trung ương, bằng 107,4% cùng kỳ năm 2021[[7]](#footnote-8).

Thực hiện kịp thời, có hiệu quả công tác hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19; công tác thương binh - liệt sỹ và người có công, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Các hoạt động văn hóa được quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhất là hoạt động Lễ Kỷ niệm 50 năm giải phóng tỉnh Quảng Trị và 50 năm sự kiện 81 ngày đêm Thành Cổ Quảng Trị; Lễ Thượng cờ Thống nhất non sông và diễu binh diễu hành...Các hoạt động lễ đã được tổ chức trang trọng, có sự đầu tư, sáng tạo, được lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành Trung ương ghi nhận, đánh giá cao, tạo được ấn tượng sâu sắc đối với đại biểu, nhân dân, du khách trong và ngoài nước… Quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM**

**1. Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

- Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 06/8/2020. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã phê duyệt dự toán lập quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 24/6/2020.

- Việc lựa chọn tư vấn lập quy hoạch tỉnh được thực hiện theo đúng quy định, trình tự thủ tục của Luật Đấu thầu và các văn bản liên quan; theo đó, đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh là Liên danh Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, Viện Chiến lược phát triển, Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, Viện Năng lượng - Bộ Công thương, Tổng công ty Tư vấn và thiết kế giao thông vận tải - CTCP, Việt Khoa học thủy lợi Việt Nam, Trung tâm Tư vấn thông tin và truyền thông - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông và Công ty cổ phần Quy hoạch Hà Nội[[8]](#footnote-9).

- Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng, tầm vóc Đồ án Quy hoạch tỉnh với tư duy đột phá, tầm nhìn chiến lược, phù hợp với xu thế phát triển, tạo sức hấp dẫn và lôi cuốn nhà đầu tư; kết hợp hài hòa kinh nghiệm quốc tế với điều kiện thực tế của Việt Nam; Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kêu gọi, lựa chọn, hợp tác với tổ chức Singapore Cooperation Enterprise để xây dựng *“Báo cáo nghiên cứu định vị kinh tế cấp cao tỉnh Quảng Trị”*; hợp tác với Sakae Advisory - Surbana Jurong xây dựng *“Ý tưởng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”* và Tổ chức AVSE Global để tham gia phản biện Quy hoạch tỉnh...

- Hiện nay, đơn vị tư vấn đã hoàn thiện Báo cáo cuối kỳ Quy hoạch tỉnh để tổ chức lấy ý kiến các sở, ngành và địa phương liên quan. Dự kiến trình thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào quý IV/2022.

**2. Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đông Hà đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050**

 Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đông Hà đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050, tỉnh Quảng Trị đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh đồng ý thông qua ngày 01/11/2021[[9]](#footnote-10); Trên cơ sở ý kiến của Bộ Xây dựng tại Công văn số 602/BXD-QHKT ngày 28/02/2022 và ý kiến của Sở Xây dựng tại văn bản số 595/SXD-QHKT ngày 04/4/2022 về việc hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đông Hà; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình, trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh. Đồng thời, đơn vị tư vấn đang hoàn thiện lại đồ án theo các nội dung điều chỉnh, dự kiến trình UBND tỉnh phê duyệt trong tháng 7/2022 và công bố tháng 8/2022.

**3. Mục tiêu phấn đấu đưa Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng miền Trung vào năm 2030**

Để thực hiện mục tiêu đưa Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng miền Trung vào năm 2030; ngay từ đầu nhiệm kỳ, Lãnh đạo tỉnh đã tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án[[10]](#footnote-11). Tiếp tục, đề xuất với các Bộ, ngành Trung ương đưa vào quy hoạch nhiều dự án năng lượng quan trọng trên địa bàn. Tỉnh đã được phê duyệt quy hoạch 31 dự án điện gió với tổng công suất 1.177,2MW; 03 dự án điện mặt trời với tổng công suất khoảng 149,5MWp (tương đương 127MW); 01 dự án nhà máy nhiệt điện than với công suất 1.320MW, 02 dự án điện khí với tổng công suất 1.840MW và 18 dự án thủy điện (bao gồm cả Dự án Thuỷ lợi - Thủy điện Quảng Trị, công suất 64MW) với tổng công suất 260,5MW.

Trong năm 2021, đã có 19 dự án điện gió với tổng công suất 671,1MW; 03 dự án điện mặt trời với tổng công suất 127MW và 11 dự án thủy điện với tổng công suất 167,5MW đã đưa vào vận hành thương mại. Tổng công suất phát điện trên địa bàn tỉnh đến thời điểm này là 965,6MW (chưa bao gồm hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất khoảng 100MW). Trong năm 2022, tỉnh Quảng Trị phấn đấu có khoảng thêm 102,3MW điện gió sẽ đưa vào vận hành thương mại, trong đó: có 72,3MW đã hoàn thành công tác thi công, 30MW còn lại dự kiến hoàn thành trong Quý III/2022). Bên cạnh đó, tỉnh còn 394MW điện gió và 93MW thủy điện nhỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; các dự án này dự kiến sẽ hoàn thành, đưa vào vận hành trong giai đoạn 2023 - 2025.

Hiện nay, tỉnh cũng đang tích cực làm việc với các cấp bộ, ngành trung ương để đưa các dự án năng lượng của tỉnh vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Quy hoạch điện VIII) làm cơ sở kêu gọi, triển khai đầu tư. Theo dự thảo Quy hoạch điện VIII, tỉnh Quảng Trị có dự án TBA 500KV Hướng Hóa và đường dây 500kV Quảng Trị - Hướng Hóa với quy mô công suất đến năm 2030 là 2.700MVA. Đây là điều kiện thuận lợi để khu vực phía Tây Quảng Trị phát triển thêm khoảng 1.800 - 2.700MW các dự án điện gió và khoảng 1.200 - 1.700MW các dự án thủy điện tích năng, hoàn thành, đưa vào vận hành đồng bộ với tiến độ đầu tư Dự án đường dây và trạm biến áp 500kV Hướng Hóa. Ngoài ra, trong giai đoạn này, tỉnh dự kiến sẽ phát triển khoảng 80MW các dự án điện sinh khối.

Đối với các dự án điện khí và nhiệt điện, hiện nay tỉnh Quảng trị đã được phê duyệt trong Quy hoạch điện VII các dự án: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1 - 1.320MW do EGATi làm chủ đầu tư, Dự án Nhà máy điện khí 340MW do Gazprom làm chủ đầu tư và Dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng giai đoạn 1 - 1.500MW do Tổ hợp nhà đầu tư (Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T, Tổng Công ty Năng lượng Hanwha, Tổng Công ty khí Hàn Quốc, Công ty Điện lực Nam Hàn Quốc) làm chủ đầu tư. Dự kiến các dự án này sẽ hoàn thành trong giai đoạn đến năm 2030 (tổng công suất 3.160MW).

Như vậy, đến năm 2030, tỉnh Quảng Trị có khoảng hơn 8.200MW các dự án nguồn điện vận hành thương mại; đây chính là cơ sở để đạt được mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, Chương trình hành động số 15-CT/TU ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tỉnh uỷ Quảng Trị thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Thông báo số 17/TB-VPCP ngày 25/01/2021 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại cuôc họp Thường trực Chính phủ về đề nghị bổ sung Trung tâm điện khi LNG Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã ủng hộ việc xây dựng “Tỉnh Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng Khu vực miền Trung”, tạo điều kiện cho Quảng Trị vững bước đi lên cùng cả nước.

**4. Thực hiện mục tiêu: “Đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung”**

Tỉnh Quảng Trịvới diện tích đất lâm nghiệp có rừng là245.996 ha, trong đó: Rừng tựnhiên là 126.622 ha; rừng trồng là 119.374 ha. Diện tích rừng trồng sản xuất khoảng 94.918 ha; trong đó diện tích rừng trồng Keo các loại trên 81.000 ha. Sản lượng gỗkhai thác bình quân hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ 900.000 đến 1.000.000 triệu m3/năm.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 48 nhà máy kinh doanh chếbiến lâm sản được cấp phép đầu tư hoạt động, gồm 02 nhà máy MDF, 16 nhà máy ghép thanh, 19 nhà máy dăm, 03 nhà máy ván lạng, 03 nhà máy ghép thanh và dăm, 01 nhà máy viên nén năng lượng, 02 nhà máy ghép thanh và viên nén, 01 nhà máy dăm và ván lạng, 01 nhà máy chếbiến lâm sản ngoài gỗ. Với công suất được cấp phép trên 2.500.000 tấn/năm, công suất đang hoạt động trên 1.300.000 tấn/năm; có 36 cơ sởsản xuất giống cây trồng lâm nghiệp. Trong đó, có 03 cơ sởđã được đầu tư công nghệnuôi cấy mô là Trung tâm ứng dụng Khoa học -Công nghệ, Trung tâm Khoa học lâm nghiệp Bắc Trung Bộvà Trường Cao đẳng nghềQuảng Trịvới các máy móc, trang thiết bịhiện đại.

Bên cạnh đó Quảng Trịcó những lợi thếđáng kểvềvịtrí địa lý -kinh tế, nên hết sức thuận lợi trong việc vận chuyển và kết nối thị trường tiêu thụsản phẩm gỗtạo điều kiện góp phần giảm chi phí vận chuyển đểphát triển vùng nguyên liệu gỗrừng trồng.Đây là tiềm năng rất lớn để phát triển vùng nguyên liệu gỗrừng trồng để“*Đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chếbiến gỗrừng trồng của khu vực miền Trung*”.

Để thực hiện mục tiêu trên, UBND tỉnh đã ban hành Kếhoạch hành động số 177/KH-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủvề Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Trong đó, đềra mục tiêu “Phấn đấu đưa năng suất bình quân rừng trồng hàng năm đạt 23m3-25m3/ha/năm; pháttriển vùng nguyên liệu tập trung đểổn định hàng năm cung cấp từ1.000.000 đến 1.200.000 triệu m3/năm gỗnguyên liệu có chất lượng caophục vụ cho công nghiệp chếbiến vào năm 2030”.

Nhiều chính sách, chương trình, dựán phát triển rừng trồng được triển khai hiệu quả, được sựhưởng ứng tích cực của người dân; Nhờ đó chất lượng rừng trồng ngày càng được nâng cao, tỷ lệ tăng trưởng rừng trồng bình quân đạt khoảng 20 m3/ha/năm, năng suất bình quân của rừng trồng khi khai thác chính (sau 6 đến 7 năm đầu tư) đạt khoảng 120 m3/ha. Trong giai đoạn 2016-2021, toàn tỉnh đã trồngđược khoảng51.224harừng trồng tập trung; trong đó, trồng rừng sản xuấtcung cấp gỗnguyên liệu: 49.138ha; trồng cây phân tán với khối lượng khoảng 15 triệu cây các loại; Tổng sản lượng gỗrừngtrồng khai thác trên địa bàn đạt khoảng 900.000 -1.000.000 m3/năm. Phát triển vùng nguyên liệu gỗrừng trồng có chứng chỉquản lý rừng bền vữngvới diện tích đến nay là **17.745,604 ha[[11]](#footnote-12); d**iện tích rừng được cấp chứng chỉcủa tỉnh chiếm khoảng 12% so với cả nước. Rừng từng bước được nâng cao chất lượng đểđạt sản lượng gỗ thương phẩm khoảng 80% trữlượng, trong đó khoảng 40% gỗlớn và 60% gỗnhỏ; khuyến khích các địa phương,chủrừng chuyển đổi dần phương thức trồng rừng từcung cấp nguyên liệu dăm gỗsang kinh doanh rừng gỗlớn với chukỳtrên 10 năm, đểnâng cao tỷlệgỗxẻcó đường kính ≥ 15 cm, đạt 50 –60%/ha.

Với những lợi thếsẵn có, cùng với các chính sách của Trung ương, của địa phươngtập trung cho đầu tư phát triển rừng bền vững và kết quả đạt được ban đầu, tỉnh Quảng Trị đang dần dần hiện thực hóa mục tiêu:“*Đưa tỉnh Quảng Trịtrởthành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chếbiến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung”.*

**1.3. Nhiệm vụ phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch mới**

Để thực hiện được nhiệm vụ phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch mới. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Lãnh đạo tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch phục vụ phát triển du lịch. Hoàn chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Du lịch Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến 2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Nhiều khu du lịch trong điểm đã được UBND tỉnh quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch[[12]](#footnote-13) và tổ chức lập mới lập mới quy hoạch[[13]](#footnote-14). Trình bổ sung khu du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt - đảo Cồn Cỏ vào danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia.

Trình Cục Hàng Hải Việt Nam điều chỉnh quy hoạch cảng du lịch tại Cửa Việt; đề xuất quy hoạch tuyến đường thuỷ nội địa phục vụ du lịch kết nối các di tích lịch sử như Cảng Đông Hà - Bến thả hoa trên sông Thạch Hãn - Hiền Lương - Bến Tắt và tuyến du lịch Đông Hà - Cửa Việt - Cồn Cỏ. Triển khai các bước để phê duyệt bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích Quốc gia đặc biệt Cảng quân sự Đông Hà.

Nhiều dự án đầu tư, phát triển hạ tầng du lịch cũng được triển khai như: Dự án Hạ tầng Khu dịch vụ - du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt - đảo Cồn Cỏ; Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vục tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng - giai đoạn II” gồm có 04 hợp phần: đầu tư hạ tầng du lịch bãi tắm Trung Giang, đầu tư hạ tầng du lịch bãi tắm Gio Hải, đầu tư hạ tầng du lịch bãi tắm Cửa Việt và đầu tư hạ tầng cảng du lịch Cửa Việt với tổng mức đầu tư 11,434 triệu USD. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và du lịch trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư, nâng cấp, nhiều dự án hạ tầng được hoàn thành và đưa vào sử dụng như: mạng lưới Quốc lộ, tỉnh lộ, đường đô thị, đường giao thông nông thôn và đường chuyên dùng.

Cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch có bước phát triển, thu hút được sự quan tâm đầu tư của các thành phần kinh tế[[14]](#footnote-15); Bước đầu huy động được nhiều nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội hóa cho phát triển du lịch; Hiện nay nhiều doanh nghiệp đã đến khảo sát và xây dựng kế hoạch đầu tư tại khu du lịch này với số vốn đăng ký hàng ngàn tỷ đồng[[15]](#footnote-16), trong đó đã thu hút được một số nhà đầu tư chiến lược đến nghiên cứu khảo sát và đầu tư kinh doanh như: Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC, Công ty Cổ phần Tập đoàn Pacific Health Care, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T, Công ty cổ phần đầu tư Hacom Holdings, Công ty Cổ phần Tập đoàn Châu Á - Thái Bình Dương, Công ty cổ phần Tập đoàn AE,...

Công tác xúc tiến quảng bá du lịch, đồng thời thực hiện liên kết vùng trong phát triển du lịch được tăng cường.Nhiều sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh được đầu tư, phát triển: Tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu điểm đến du lịch Quảng Trị là: “Ký ức chiến tranh - Khát vọng hòa bình”, “Cửa ngõ Hành lang Kinh tế Đông - Tây", kết nối, liên kết du lịch "Con đường Di sản miền Trung”, "Đường Hồ Chí Minh huyền thoại. Nhiều khu, điểm du lịch quan trọng được hình thành; nhiều sản phẩm du lịch mới được quan tâm phát triển nhằm tăng tính hấp dẫn thu hút khách du lịch[[16]](#footnote-17). Hiện nay đang nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch tại vùng núi phía Tây Quảng Trị; du lịch trên sông (TP Đông Hà – TX Quảng Trị) để xây dựng phát triển sản phẩm du lịch trên sông gắn với các điểm di tích lịch sử của tỉnh; du lịch cộng đồng Hệ thống giếng cổ Gio An.

Đặc biệt, trong bối cảnh chịu tác động nặng nề của dịch Covid-19, tỉnh đã tổ chức thành công chuỗi các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Quảng Trị, vừa tạo dấu ấn của địa phương, vừa khởi động lại các dịch vụ du lịch. Hoạt động du lịch có dấu hiệu khởi sắc; tiếp tục tiển khai các hoạt động nhằm kích cầu du lịch[[17]](#footnote-18), tăng cường tuyên truyền, quảng bá du lịch trên các phương tiện thông tin truyền thông[[18]](#footnote-19). Hoạt động kinh doanh lưu trú và du lịch lữ hành 6 tháng đầu năm đã có những tín hiệu tích cực; ước tính lượt khách lưu trú tăng 42,42% so với cùng kỳ năm trước, ngày khách lưu trú tăng 92,92%; lượt khách du lịch theo tour tăng 16,70%, ngày khách du lịch theo tour tăng 18,50%. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 21 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành[[19]](#footnote-20); 215 cơ sở lưu trú...Tổng lượng khách du lịch đến Quảng Trị trong 06 tháng đầu năm ước tăng 55,4% so với cùng kỳ năm 2021[[20]](#footnote-21). Năm 2022, dự ước đón khoảng 1.500 ngàn lượt và trở lại đà tăng trưởng từ năm 2023.

**2.Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh**

***2.1. Đối với 30 dự án khởi công nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày lập lại tỉnh Quảng Trị***

Trong số 30 dự án khởi công nhân dịp Kỷ niệm 30 năm ngày lập lại tỉnh, đến nay đã có 11 dự án hoàn thành, đi vào hoạt động, 08 dự án đang triển khai theo đúng tiến độ, 09 dự án triển khai chậm tiến độ, 01 dự án đã chấm dứt hoạt động và 01 dự án đang hoàn thiện các thủ tục để cấp chủ trương đầu tư. *Chi tiết phụ lục số 01 đính kèm.*

***2.2. Các dự án dự án trọng điểm khác***

***(1)Dự án Đường ven biển biển kết nối hành làng kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1***

Dự án Đường ven biển kết nối Hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1 đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án với tổng vốn đầu tư là 2.060 tỷ đồng (trong đó Ngân sách Trung ương hỗ trợ là 1.644 tỷ đồng và Ngân sách tỉnh là 416 tỷ đồng), thời gian thực hiện từ năm 2021 - 2025.

Quy mô dự án: Tổng chiều dài khoảng 54,98Km (phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 là 48,28km). Đoạn 1từ ranh giới Quảng Bình – Quảng Trị đến phía Nam cầu Cửa Việt, dài khoảng 42,162Km; trong giai đoạn 1 chưa đầu tư đoạn qua khu vực cầu Cửa Tùng và tận dụng cầu Cửa Việt hiện hữu, do đó phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 với chiều dài 36,04km.Đoạn 2 từ uyến nối đường ven biển từ huyện Triệu Phong đến thành phố Đông Hà, chiều dài đầu tư hoàn chỉnh khoảng 12,24Km.

Ngày 29/4/2022, trong chuỗi hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng tỉnh Quảng Trị (01/5/1972 – 01/5/2022), tỉnh đã tổ chức Lễ khởi công Dự án Giai đoạn 1. Công tác cắm cọc GPMB, đo vẽ địa chính thu hồi đất, định giá đấtthuộc địa bàn thành phố Đông Hà và huyện Triệu Phong đã cơ bản hoàn thành; các huyện Gio Linh và Vĩnh Linh đang triển khai thực hiện.Đã hoàn thành công tác khảo sát hiện trạng rừng để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Đang chỉ đạo hoàn thiện hồ sơđể trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trươngchuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 64ha.

***(2) Dự án Cảng hàng không Quảng Trị***

- Ngày 20/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2148/QĐ-TTg về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị theo phương thức đối tác công tư (PPP).

Chức năng là Cảng hàng không nội địa; diện tích sử dụng đất là 265,372 ha tại các xã Gio Quang, Gio Hải và Gio Maihuyện Gio Linh; Cấp sân bay 4C theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế và sân bay quân sự cấp II; có công suất theo quy hoạch là 01 triệu hành khách/năm và 3.100 tấn hàng hóa/năm; loại tàu bay khai thác là tàu bay code C hoặc tương đương.

Tổng mức đầu tư dự kiến cho cả 2 giai đoạn là 5.822,9 tỷ đồng; trong đó, giai đoạn 1 là 2.913,6 tỷ đồng, giai đoạn 2 là 2.909,3 tỷ đồng.

- UBND tỉnh đã giao Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (Nhà đầu tư đề xuất) lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không Quảng Trị theo phương thức PPP (Văn bản thỏa thuận ngày 04/4/2022). Hiện nay, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T đang phối hợp với Công ty Thiết kế và Tư vấn xây dựng công trình hàng không ADCC hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, trình cấp có thẩm quyền thẩm định theo quy định.

- Về công tác giải phóng mặt bằng: Báo cáo đề xuất đầu tư dự án GPMB Cảng hàng không Quảng Trị đã được HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại các Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 10/3/2021 và số 60/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 với phạm vi GPMB là 265,372ha (chưa bao gồm 51,2ha diện tích đất quân sự), với kinh phí dự kiến là 233,103 tỷ đồng. Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đã được đơn vị thưc hiện dự án hoàn thiện trình thẩm định, phê duyệt.

- Về chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa đã thực hiện hoàn thành; Hiện nay đang triển khai công tác đo đạc địa chính, quy chủ để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

***(3). Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà và Quy hoạch đường tránh phía Tây QL1, tỉnh Quảng Trị***

*- Đường tránh phía Đông:*

Dự án đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà đã được Bộ GTVT phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1719/QĐ-BGTVT ngày 28/9/2021 với chiều dài tuyến 13,2km (từ điểm đầu tuyến giao với QL.1 tại Km741+107/QL.1 đến giao với QL.9 tại Km10+187/QL.9), quy mô xây dựng: Đường cấp III đồng bằng (mặt cắt ngang nền đường rộng 12,0m, mặt đường rộng 11,0m, lề đất rộng 0,5m x 2bên); Tổng mức đầu tư: 399,96 tỷ đồng từ ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Đến nay đã hoàn thành công tác khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, Sở GTVT đã trình Bộ GTVT phê duyệt và hoàn thiện các thủ tục theo quy định để triển khai thực hiện dự án dự kiến vào đầu năm 2022.

*-* ***Quy hoạch đường tránh phía Tây quốc lộ 1:***

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông Vận tải đã hoàn thiện hồ sơ Báo cáo quy hoạch hướng tuyến Đường tránh phía Tây QL.1, đồng thời làm việc với các đơn vị, địa phương thống nhất phương án tuyến bổ sung quy hoạch Đường tránh phía Tây quốc lộ 1.

Đường tránh phía Tây QL.1, tỉnh Quảng Trị được quy hoạch với phạm vi: Điểm đầu giao với QL.1 tại Km719+500/QL.1 (phía Nam cầu Chấp Lễ) và điểm cuối tại ranh giới tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế, cách QL.1 khoảng 3,0km về phía Tây; chiều dài tuyến: Khoảng 71,0km (phương án kiến nghị). Hướng tuyến quy hoạch: Từ điểm đầu tuyến giao với QL. tại Km719+500/QL.1, tuyến đi về phía Tây QL.1 và kết nối QL.9D (cách QL.1 khoảng 4,3km); từ điểm giao với QL.9D, tuyến đi song song về phía Tây đường sắt Bắc - Nam hiện tại, tuyến cách QL.1 về phía Tây khoảng 6,5km. Tuyến đi qua vị trí đập Bến Than và giao cắt với đường T100, sau đó đi về phía Tây hồ Kinh Môn và giao đường tỉnh 576, 575B, 577, 578; tiếp tục đi qua khu vực phía Tây hồ Trúc Kinh.

Qua khu vực thành phố Đông Hà và đến cuối tuyến tại ranh giới Quảng Trị và Thừa Thiên Huế tuyến đi cơ bản song song với hành lang đường sắt tốc độ cao; Tuyến giao QL.9 tuyến tránh phía Bắc cách ngã tư Sòng khoảng 3,25km, giao với đường Điện Biên Phủ (QL.9 tuyến tránh phía Nam cách QL.1 khoảng 5,0km); giao với ĐT.579 cách QL.1 khoảng 6,0km; Tuyến vượt sông Thạch Hãn tại vị trí cách cầu hiện tại khoảng 4,5km về phía Tây, tuyến đi về phía Tây khu thánh địa La Vang và đi về vị trí giao QL.15D cách QL.1 khoảng 5,0km; Điểm cuối tại ranh giới tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế, cách QL.1 khoảng 3,0km về phía Tây.

Quy mô mặt cắt ngang quy hoạch (phương án kiến nghị): Các đoạn qua khu đông dân cư, khu đô thị và khu công nghiệp dự kiến trong tương lai, quy hoạch mặt cắt ngang nền đường có bề rộng: 35,0m, trong đó: mặt đường rộng 11,5m x 2bên, vỉa hè rộng 5,0m x 2bên và dải phân cách giữa rộng 2,0m; Các đoạn ngoài đô thị, mặt cắt ngang quy hoạch rộng 26,0m, gồm: mặt đường rộng 11,5m x 2bên, dải phân cách giữa rộng 2,0m, lề đất rộng 0,5m x 2bên.

***(4)Dự án đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị***

Dự án đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 với quy mô đường cấp V miền núi, nền đường rộng 6,5m, cầu xây dựng với quy mô cấp IV miền núi rộng 7,5m; chiều dài tuyến 15km, tổng mức đầu tư: 229 tỷ đồng và thời gian thực hiện dự án: 2021-2024. Sở GTVT đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán tại Quyết định số 3689/QĐ-SGTVT ngày 26/11/2021.

Dự án đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình trong năm 2021 và đã triển khai thi công cầu Km25+300/ĐT.571 từ đầu năm 2022.

***(5) Dự án Khu công nghiệp Quảng Trị***

Dự án Khu công nghiệp Quảng Trị được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 23/3/2021.Nhà đầu tư của dự án gồm Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Công ty cổ phần đô thị Amata Biên Hòa và Sumitomo Corporation. Địa điểm dự ántại thị trấn Diên Sanh, xã Hải Trường và xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị; diện tích mặt đất sử dụng: 481,2 ha; tổng vốn đầu tư của dự án: 2.074 tỷ đồng; vốn góp để thực hiện dự án: 311 tỷ đồng. Vốn đầu tư giai đoạn 1: 504 tỷ đồng; diện tích đất: 97,4 ha; tiến độ: 2021 – 2025.

Các thủ tục cơ bản đã hoàn thành[[21]](#footnote-22). Ngày 30/4/2022, UBND tỉnh và Tổ hợp nhà đầu tư đã tổ chức Lễ khởi công dự án. Những công việc cần tập trung trong thời gian tới là: giải phóng mặt bằng khu vực dự án giai đoạn 1, hoàn thiện hồ sơ thiết kế thi công, đấu nối giao thông, ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định, thủ tục thuê đất,.. Phấn đấu thi công xây dựng trong Quý IV/2022.

***(6)Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá***

Ngày 19/3/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 396/QĐ-TTg về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá. UBND tỉnh đã có Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 thành lập Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Nhà đầu tư: Công ty cổ phần Quang Anh Quảng Trị; thực hiện dự án tại xã Vĩnh Long và Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị; diện tích: 214,77 ha; tổng vốn đầu tư: 925 tỷ đồng.

Hiện nay, nhà đầu tư đang hoàn thiện một số thủ tục như: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư; Lập phương án trồng rừng thay thế và chuẩn bị nguồn tài chính nộp quỹ bảo vệ và phát triển rừng theo quy định. Hoàn thiện hồ sơ thiết kế cơ sở, báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ thiết kế đấu nối hạ tầng kỹ thuật; gửi các cơ quan có liên quan để được xem xét phê duyệt theo quy định…. Dự kiến khởi công xây dựng trong Quý II/2022.

***(7) Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Triệu Phú***

Ngày 05/3/2021, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 308/QĐ-TTg quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Triệu Phú. Nhà đầu tư là Công ty cổ phần Trung Khởi, dự án đầu tư tại xã Triệu Trạch, xã Triệu Sơn và xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong tại Khu công nghiệp đa ngành Triệu Sơn, Triệu Trạch thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; diện tích: 528,97ha; tổng vốn đầu tư: 4.533,61 tỷ đồng.

Hiện nay, tỉnh đang triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư để triển khai thực hiện dự án như: Thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng; Thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; Thực hiện điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 2 theo Văn bản số 4596/UBND-CN ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh.

***(8) Dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng - Giai đoạn 1 (1.500MW)***

- Dự án do Tổ hợp nhà đầu tư: Công ty năng lượng Hanwha (HEC, Hàn Quốc), Tổng Công ty khí Hàn Quốc (Kogas, Hàn Quốc), Tổng Công ty điện lực Nam Hàn Quốc (Kospo, Hàn Quốc) và Công ty cổ phần tập đoàn T&T (Tập đoàn T&T) thực hiện tại Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị (BQL Khu Kinh tế đã có Quyết định số 168/QĐ-KKT ngày 06/10/2021 chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư).

Địa điểm thực hiện dự án: Khu phức hợp năng lượng tại xã Hải An và xã Hải Ba, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị; diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng: diện tích đất khoảng 120,36ha và mặt biển khoảng 100 ha.

 Tổng vốn đầu tư của dự án: 53.667,77 tỷ đồng; trong đó: Vốn góp của nhà đầu tư: 13.416,94 tỷ đồng

Đã tổ chức Lễ khởi công hợp phần kỹ thuật dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng 1.500 MW, tỉnh Quảng Trị vào ngày 15/01/2022[[22]](#footnote-23).

- Về quy hoạch điện VIII: Bộ Công Thương đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung của Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 ngày 16/5/2022 (trong đó dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng giai đoạn 1 công suất 1500MW đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào quy hoạch điện VII điều chỉnh) và được Bộ Công Thương đề xuất đưa vào Quy hoạch điện VIII tại báo cáo này. Hiện nay đang chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điện VIII để tập trung nguồn lực triển khai dự án.

- Về Khu tái định cư xã Hải An: Khu tái định cư xã Hải An giai đoạn 1 đã hoàn thiện để sẵn sàng bố trí tái định cư cho dự án Khu bến cảng Mỹ Thủy và dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng gồm 278 lô.

***(9)Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị***

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030, Nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị do Chủ đầu tư là EGATi thuộc Danh mục các dự án nguồn điện vào giai đoạn 2016 – 2020 (Phụ lục I), dự kiến vận hành vào năm 2023 và 2024;

Bộ Công Thương có Quyết định số 4793/QĐ-BCT ngày 07/12/2016 phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị I. Dự án được đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT), địa điểm xây dựng tại xã Hải Khê, huyện Hải Lăng thuộc Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị; là nhà máy nhiệt điện đốt than sử dụng công nghệ trên siêu tới hạn (Ultra Super Critical - USC), với tổng công suất đặt 1.320MW (công suất thô), gồm 02 tổ máy, công suất mỗi tổ máy 660MW; tổng vốn đầu tư 55.093,80 tỷ đồng.

Công ty điện lực quốc tế Thái Lan (EGATi) được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho làm chủ đầu tư Nhà máy nhiệt điện công suất 1.200MW tại Quảng Trị và triển khai thực hiện Dự án theo hình thức BOT. Nhà đầu tư đã tổ chức lễ khởi công xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật vào ngày 22/11/2019 nhưng chưa triển khai thi công xây dựng công trình.

Ngày 13/9/2021, Ủy ban chính sách các doanh nghiệp nhà nước của Thái Lan họp dưới sự chủ trì của Thủ tướng Thái Lan đã chấp thuận về mặt nguyên tắc cho EGATi cùng với các nhà đầu tư Thái Lan khác được thành lập Công ty BOT để đầu tư phát triển dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị tại Việt Nam.

Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo – Bộ Công Thương có Văn bản số 240/ĐL-KH&QH ngày 10/02/2022 về việc tiếp tục thực hiện dự án nhiệt điện than Quảng Trị, trong đó xem xét, tính toán tiến độ vận hành Dự án trong giai đoạn 2026 – 2030.

EGATi chưa hoàn thành nội dung công việc đã thống nhất tại buổi làm việc ngày 27/10/2021 với UBND tỉnh như: Văn bản chấp thuận của Chính phủ Thái Lan về việc cho EGATi cùng với các nhà đầu tư khác được thành lập Công ty BOT để đầu tư phát triển dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị tại Việt Nam; đàm phán với các ngân hàng cho vay vốn để có cam kết hỗ trợ vốn thực hiện dự án có giá trị giải ngân và một số nội dung liên quan.

***(10) Các dự án du lịch:*** *Trên địa bàn tỉnh hiện đang triển khai thực hiện 08 dự án động lực về lĩnh vực du lịch với tổng vốn đăng ký 7.900 tỷ đồng (Cụ thể như phụ lục số 02 đính kèm).*

**2.3. Các dự án lớn, khả thi đang xúc tiến trên địa bàn tỉnh**

***(1) Dự án Khu liên hợp gang thép Quảng Trị***

Về chủ trương đề xuất dự án, UBND tỉnh có văn bản số 6043/UBND-CN ngày 10/12/2021 thống nhất địa điểm khảo sát, nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp gang thép Quảng Trị tại Khu công nghiệp đa ngành Triệu Sơn, Triệu Trạch thuộc Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị, diện tích 463,5 ha.

Các công việc triển khai trong năm 2022: Nhà đầu tư có kế hoạch cụ thể triển khai việc khảo sát, nghiên cứu lập đề xuất các dự án đầu tư, trình UBND tỉnh xem xét.

***(2) Dự án Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và dịch vụ phụ trợ Triệu Vân***

- Về chủ trương đề xuất dự án: UBND tỉnh có Văn bản số 290/UBND-VX ngày 21/01/2020: Đồng ý chủ trương cho Công ty cổ phần đầu tư Hacom Holding: (i) Nghiên cứu, đề xuất dự án đầu tư khu du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái có quy mô khoảng 108 ha thuộc Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; (ii) Nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết 1/500 và nghiên cứu lập thủ tục đầu tư xây dựng, kinh doanh sân golf 36 lỗ có quy mô khoảng 173,7 ha tại Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

Tỉnh uỷ có Thông báo số 816-TB/TU ngày 05/6/2020 thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về một số nội dung liên quan ý tưởng quy hoạch và nghiên cứu đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh: “UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan ...hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành việc lập và trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư đối với hợp phần Khu du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái theo quy định của pháp luật hiện hành”.

Ban Chỉ đạo các dự án động lực cấp tỉnh có Thông báo số 08-TB/BCĐ ngày 15/4/2022 thông báo Kết luận về các dự án đề xuất đầu tư do Công ty cổ phần đầu tư Hacom Holdings tài trợ lập quy hoạch trên địa bàn tỉnh: Thống nhất tách thành 02 dự án hợp phần riêng biệt để thực hiện các thủ tục cấp chủ trương đầu tư, đấu thầu dự án theo quy định.

- Ngày 20/4/2022, BQL Khu Kinh tế nhận được Hồ sơ đề xuất dự án đầu tư: Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và dịch vụ phụ trợ Triệu Vân của Công ty cổ phần đầu tư Hacom Holdings. UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và địa phương liên quan hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục đề xuất dự án.

**III. GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ TRONG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM TRONG THỜI GIAN TỚI**

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2021 - 2025 đã xác định mục tiêu:*“Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao và năm 2030 thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước”;* Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GRDP) bình quân giai đoạn 2020 - 2025 đạt 7,5 - 8% và giai đoạn 2025 - 2030 đạt trên 8%. Trong giai đoạn này, tỉnh cũng ưu tiên tập trung vào một số chương trình, dự án trọng điểm như:

(1) Hoàn thành đúng tiến độ và có chất lượng hệ thống quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Điều chỉnh quy hoạch chung Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; xây dựng Quy hoạch phát triển các khu đô thị ven biển; các quy hoạch theo quy định của pháp luật, phục vụ yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới.

(2) Tiếp tục thực hiện hoàn thành việc đầu tư xây dựng và phát triển trục kết nối các trọng điểm kinh tế đã đề ra từ nhiệm kỳ trước. Hình thành Hành lang đường bộ và kinh tế từ cửa khẩu quốc tế La Lay về Mỹ Thủy và kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây; Nghiên cứu, xây dựng, triển khai một số trọng điểm kinh tế nhằm tạo thêm cực tăng trưởng mới.

(3) Triển khai một số dự án trọng điểm về công nghiệp, giao thông, văn hóa - xã hội, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(4) Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển mạnh kinh tế biển.

(5) Phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo; phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh; phát triển nhanh hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, đô thị thông minh.

(6) Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Với thế địa hình và sinh thái phong phú và nằm trên các tuyến hành lang quan trọng của Quốc gia, Quảng Trị có tiềm năng phát triển nền kinh tếđa dạng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định rõ các ngành, lĩnh vực có tính đột phá dựa trên trụ cột chính là công nghiệp - xây dựng, nông nghiệp và du lịch - dịch vụ; trong đó: nông nghiệp tiếp tục là “bệ đỡ” của nền kinh tế, công nghiệp năng lượng là hướng đột phá và du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Đây cũng là những mục tiêu định hướng mang tầm nhìn dài hạn của tỉnh trong giai đoạn tới. Cụ thể:

(1) Chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện tốt tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, quy trình canh tác hữu cơ, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, trồng rừng đạt chứng chỉ FSC, trong đó chú ý gắn với vấn đề thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị trên đơn vị sản xuất. Phấn đấu đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung.

(2) Trong công nghiệp, đẩy mạnh phát triển các ngành có lợi thế như: Phát triển công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản (nhất là công nghiệp chế biến gỗ), công nghiệp silicat, các ngành công nghiệp thâm dụng lực lượng lao động.... Xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030.

Ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị làm hạt nhân phát triển công nghiệp. Quy hoạch và phát triển công nghiệp phụ trợ dọc Quốc lộ 15D, Quốc lộ 49 để gắn liền Khu kinh tế cửa khẩu La Lay với Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và cảng biển Mỹ Thủy, hình thành nên Hành lang kinh tế (tuyến Xuyên Á thứ 2) song song với Hành lang kinh tế Đông Tây.

(3) Về thương mại, dịch vụ, du lịch, du lịch: Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có khả năng cạnh tranh. Phát triển nhanh hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng và phát triển kinh tế số. Nghiên cứu phát triển Khu kinh tế - thương mại Lao Bảo gắn với định hướng phát triển thương mại xuyên biên giới để hình thành Khu thương mại biên giới.Thu hút đầu tư, phát triển mạnh dịch vụ vận tải, mạng lưới kho tàng, bến bãi, dịch vụ logistic; phấn đấu Quảng Trị trở thành điểm trung chuyển hàng hóa của các nước trong khu vực vào năm 2030.

Về du lịch: Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, theo hướng tập trugn phát triển du lịch lịch sử - chiến tranh cách mạng trở thành sản phẩm đặc trưng riêng của Quảng Trị, trở thành thương hiệu du lịch hòa bình của cả nước; kết hợp khai thác tiềm năng du lịch biển, du lịch tâm linh, văn hóa lịch sử... đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ sớm hình thành khu du lịch quốc gia Cửa Việt - Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ.

*CHUYÊN ĐỀ:*

**CHIẾN LƯỢC QUỐC PHÒNG AN NINH**

**BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG THỜI KỲ MỚI**

*Báo cáo viên:****Đại tá Thiều Đăng Anh, Phó Chỉ huy trưởng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị***

**Phần 1. LỜI MỞ ĐẦU**

*“Dựng nước đi đôi với giữ nước”* là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Ngày nay, Đảng ta đã vận dụng và phát triển hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Đảng được xác định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X: *“khẩn trương chỉ đạo xây dựng và ban hành các Chiến lược quốc gia: Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược An ninh và các chiến lược chuyên ngành khác”*. Sau một thời gian dài nghiên cứu, chuẩn bị, ngày 16/4/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về Chiến lược Quốc phòng Việt Nam. Ngày 5/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 51-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ An ninh quốc gia.

Cùng với đó, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 31-KL/TW ngày 16/4/2018 về Chiến lược quân sự Việt Nam, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 25/7/2018 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 về Chiến lược An ninh mạng quốc gia, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia... Các chiến lược được ban hành đã tạo nên hệ thống chiến lược quốc gia về lĩnh vực quốc phòng – an ninh hoàn chỉnh, đồng bộ, đảm bảo cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, có tính khả thi cao.

Kết quả đó, một mặt phản ánh sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng – An ninh, bảo vệ Tổ quốc; mặt khác, nó đánh dấu bước phát triển về tư duy - lý luận của Đảng trong lĩnh vực quan trọng này, nhất là trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực đang có những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và trong nước chúng ta phải đương đầu với những thách thức không nhỏ, trọng điểm là sự chống phá quyết liệt bằng chiến lược “Diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang hết sức thâm độc, nguy hiểm của các thế lực thù địch.

Phần 2: NỘI DUNG

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG ĐẾN QUỐC PHÒNG AN NINH

**1. Tình hình thế giới, khu vực**

“Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và gay gắt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế…”.

Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn, một số nước vẫn đơn phương sử dụng và đe doạ sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thoả hiệp, nhưng đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân tuý trong quan hệ quốc tế gia tăng. Các nước lớn kết hợp răn đe quân sự với biện pháp kinh tế, văn hóa, chính trị, ngoại giao tạo “sức mạnh mềm”, sẵn sàng can thiệp vũ trang, tấn công các nước nhỏ, buộc các nước phải khuất phục, thay đổi chế độ chính trị, mà chưa cần tiến hành chiến tranh lớn. Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới, nguy cơ phụ thuộc. Xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ do mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, can thiệp lật đổ, khủng bố tiếp diễn phức tạp; các điểm nóng vẫn tồn tại và mở rộng ở nhiều khu vực. Đặc biệt là xung đột Nga - Ukraine diễn ra ngày càng căng thẳng và chưa có hồi kết.

Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid -19. Các quốc gia, nhất là các nước lớn điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi các chuỗi cung ứng. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước ngày càng quyết liệt, tác động đến chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu, tiềm ẩn nguy bất ổn chính trị, xã hội.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới, dẫn đến những thay đổi lớn về phương tiện vũ khí trang bị, tổ chức Quân đội, hình thái, phương thức tiến hành chiến tranh.

Bên cạnh đó, sự xuất hiện và tác động ngày càng gay gắt của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống như: an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... đặt ra những thách thức to lớn, buộc các nước phải hợp tác với nhau để đảm bảo an ninh khu vực, an ninh toàn cầu đã và đang đặt ra thời cơ, nguy cơ đan xen với an ninh quốc gia Việt Nam. Lợi dụng sự phức tạp, khó khăn của bối cảnh tình hình, các thế lực thù địch và tội phạm cũng thay đổi, điều chỉnh trong phương thức, thủ đoạn, gia tăng các hoạt động chống phá, xâm phạm an ninh quốc gia Việt Nam.

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng, là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hoà bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hoà bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn.

**2. Tình hình trong nước**

“Sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tố quốc”. Hội nhập quốc tế về quốc phòng ngày càng sâu rộng, hiệu quả, sức mạnh của lực lượng vũ trang được tăng cường, phát huy vai trò nòng cốt trong đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đối phó có hiệu quả với thách thức an ninh phi truyền thống.

Những năm tới, Việt Nam hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn sẽ phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra. Xu hướng già hoá dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hoá, đô thị hoá tăng mạnh; biến đổi khí hậu gay gắt, phức tạp... ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước.

Biển Đông là nơi cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn, cả trước mắt và lâu dài về bảo đảm an ninh, an toàn tự do hàng hải, hàng không trên tuyến vận tải quốc tế; có vị trí quan trọng trong chiến lược của các nước lớn để thực hiện tham vọng độc chiếm Biển Đông; triển khai chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương, tiến tới bá chủ châu Á - Thái Bình Dương. Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982 quy định cơ sở pháp lý để giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ quyền vùng biển, đảo, nhưng vẫn tồn tại nhiều thách thức, tranh chấp về phân định các vùng biển chồng lấn, quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo động lực, thời cơ để xây phát triển đất nước, tăng cường sức mạnh quốc phòng, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức lớn. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường; chưa bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ các vùng, miền, địa phương theo lợi thế so sánh và phát huy điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến’, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp, làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến “thế trận lòng dân”.

Các thế lực thù địch, phản động tiến hành quyết liệt âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta trên các lĩnh vực, nhất là phá hoại nền tảng chính trị, tư tưởng, nhằm xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, “phi chính trị hoá” lực lượng vũ trang. Câu kết với lực lượng cơ hội chính trị trong nước, hình thành tổ chức đối lập; lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc, mâu thuẫn nội bộ, tranh chấp chủ quyền biển, đảo; sử dụng mạng xã hội xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ Đảng, Nhân dân và lực lượng vũ trang.

Sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Các thế lực nước lớn với ưu thế về kinh tế, quân sự, tham vọng và hành động độc chiếm Biển Đông, đang tập trung chống phá Việt Nam cả về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, văn hoá ngay trong thời bình và sẵn sàng gây xung đột vũ trang. Việc huy động nguồn lực để bảo vệ chủ quyền biển, đảo, cũng ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Thế lực thù địch, thế lực nước lớn có tham vọng chủ quyền lợi dụng sự khác biệt về lợi ích, kích động mâu thuẫn nội bộ, thúc đẩy bạo loạn, biến động... ở các nước láng giềng, để chi phối, hỗ trợ bọn phản động, lực lượng dân tộc cực đoan gây xung đột vũ trang, chiến tranh biên giới với nước ta.

Các nước lớn vừa hợp tác, vừa lôi kéo, can dự, cạnh tranh, thỏa hiệp với nhau, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường hòa bình, độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam. Việt Nam cũng đứng trước thách thức từ những bất ổn của các nước láng giềng; chiến lược liên kết, chi phối kinh tế khu vực của nước lớn.

Chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng ngày càng được thế lực thù địch, phản động sử dụng rộng rãi để xâm phạm chủ quyền, an ninh, lợi ích quốc gia, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chi phối, tác động lớn đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của Việt Nam.

Các thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng. An ninh trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa thật sự vững chắc. An ninh trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị nội bộ, thông tin, truyền thông xuất hiện những nguy cơ, thách thức; an ninh trên lĩnh vực tôn giáo tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. An ninh các vùng chiến lược chưa thực sự vững chắc; vấn đề an ninh nông thôn, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân liên quan đến đất đai ngày càng gia tăng, chậm được giải quyết; nhiều vụ việc dẫn đến khiếu kiện đông người vượt cấp kéo dài, trở thành “điểm nóng”, gây bức xúc dư luận xã hội. Các đối tượng phản động trong nước, đối tượng cực đoan chống đối triệt để lợi dụng các sự kiện, vấn đề nhạy cảm về đất đai, môi trường, tham nhũng, xây dựng pháp luật… để tuyên truyền chống nhà nước, chia rẽ trong nhân dân, kích động biểu tình, bạo loạn, gây rối an ninh, trật tự.

Tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp; xuất hiện xu hướng “đan xen”, thâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau giữa tội phạm hình sự, kinh tế, tham nhũng, ma túy, công nghệ cao với các vấn đề an ninh quốc gia.

Các nguy cơ mà văn kiện các kỳ Đại hội Đảng đã chỉ ra chưa được khắc phục, đẩy lùi, thậm chí còn có mặt nghiêm trọng hơn. Nguy cơ suy thoái, biến chất trong nội bộ Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục diễn biến phức tạp, gây suy giảm lòng tin của nhân dân, làm giảm sút sức mạnh tổng hợp của đất nước, ảnh hưởng tới nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

Sự gia tăng của các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia do tác động cộng hưởng của những nguyên nhân, điều kiện khởi nguồn từ nội bộ, nội địa (Vấn đề tham nhũng, suy thoái trong nội bộ; sự tích tụ các vấn đề xã hội bức xúc, có thể bùng phát thành điểm nóng và có nguy cơ lan rộng; xu hướng dân chủ quá trớn, phản biện xã hội vô nguyên tắc…). Tình trạng lộ lọt bí mật nhà nước tiếp tục diễn biến phức tạp, bị các cơ quan tình báo, bọn phản động khai thác sử dụng vào hoạt động chống phá ta.

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đạt được những kết quả quan trọng, nhưng vẫn đứng trước các khó khăn, thách thức từ bên ngoài và bên trong. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh còn hạn chế, bất cập. Chiến lược, chính sách quốc phòng và an ninh của các nước thường xuyên điều chỉnh, đòi hỏi phải chủ động đánh giá, dự báo, xác định đối sách xử lý kịp thời, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống chiến lược.

Tình hình thế giới, khu vực và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tố quốc, đòi hỏi toàn Đảng phải có quyết tâm chính trị cao, dự báo chính xác, kịp thời diễn biến của tình hình, chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống, nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Không ngừng gia tăng tiềm lực mọi mặt của quốc gia, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả phát triển đã đạt được.

**II. CHIẾN LƯỢC QUỐC PHÒNG VIỆT NAM**

**1.Khái niệm**

**1.1. Khái niệm “Quốc phòng”**

Quốc phòng là công cuộc giữ nước của một quốc gia gồm tổng thể hoạt động đối nội, đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học... của Nhà nước và nhân dân để phòng thủ đất nước, tạo nên sức mạnh toàn diện, cân đối, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng nhằm giữ vững hòa bình, ngăn chặn và đẩy lùi mọi âm mưu gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, quy mô. Quốc phòng trở thành hoạt động của cả nước, trong đó lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Quốc phòng phải kết hợp chặt chẽ với an ninh để bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ.

* 1. **Khái niệm “Chiến lược Quốc phòng”**

*Chiến lược Quốc phòng*: “Là chiến lược phòng thủ quốc gia trong từng thời kì bằng sức mạnh tổng hợp giữ nước, với sức mạnh quân sự là đặc trưng và sức mạnh của Quân đội làm nòng cốt, kết hợp quân sự với chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học... và đối ngoại, bảo đảm ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại, lấn chiếm, khuất phục, lật đổ của các thế lực thù địch trong hòa bình, giữ vững hòa bình, ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho đất nước phát triển vững chắc về mọi mặt và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược mọi quy mô”.

Chiến lược Quốc phòng lấy Chiến lược Quân sự làm nòng cốt, nhằm tạo ra sức mạnh quân sự, sức mạnh của Quân đội (lực lượng vũ trang) phù hợp trong thời bình và đáp ứng yêu cầu mở rộng trong thời chiến, trên cơ sở quy tụ được sức mạnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các ngành, của toàn bộ chế độ kinh tế - xã hội - chính trị.

Mục tiêu hàng đầu của Chiến lược Quốc phòng là giữ gìn hòa bình, ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của đất nước và mục tiêu rất quan trọng là sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn xâm lược và lật đổ của các thế lực thù địch. Một nội dung quan trọng của Chiến lược Quốc phòng là quản lí nhà nước về quốc phòng, thực hiện đầy đủ chủ quyền quốc gia trên toàn lãnh thổ quốc gia.

Chiến lược Quốc phòng gắn bó hữu cơ với Chiến lược An ninh quốc gia, trên cơ sở quán triệt quan điểm quốc phòng toàn dân và an ninh Nhân dân, kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng và mở rộng quan hệ đối ngoại, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp và những hoàn cảnh, điều kiện, môi trường thuận lợi bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**1.3 Khái niệm “Chiến lược Quốc phòng Việt Nam”**

*Chiến lược Quốc phòng Việt Nam*: là chiến lược phòng thủ quốc gia, bảo vệ đất nước, giữ nước từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy, sẵn sàng chống chiến tranh xâm lược; mang tính hòa bình, tự vệ bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; dựa trên nền tảng đường lối chính trị đúng đắn là nhân tố quyết định, sức mạnh quốc phòng là then chốt, sức mạnh quân sự là đặc trưng, trực tiếp là sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, nòng cốt là Quân đội nhân dân; xây dựng, củng cố quan hệ, lòng tin chiến lược với các nước, nhất là các đối tác chiến lược, tạo thế để bảo vệ Tổ quốc; sẵn sàng đánh thắng mọi hình thái chiến tranh xâm lược nếu xảy ra.

Chiến lược Quốc phòng Việt Nam là bộ phận chủ đạo, cụ thể hóa Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc cả trong và ngoài lãnh thổ; bảo vệ nền hòa bình bền vững của đất nước; bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân; tích cực tham gia bảo vệ hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước.

Chiến lược Quốc phòng Việt Nam kế thừa kinh nghiệm, truyền thống dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc, đỉnh cao là các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và sự nghiệp đổi mới của đất nước trong thời đại Hồ Chí Minh; đồng thời tiếp thu có chọn lọc, phát triển và vận dụng tinh hoa nghệ thuật, kế sách bảo vệ Tổ quốc của các quốc gia trên thế giới vào điều kiện Việt Nam; cụ thể hóa Nghị quyết số 28-NQ/TW, Khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” cùng với các chiến lược khác thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đến năm 2030 và những năm tiếp theo; định hướng chỉ đạo Chiến lược Quân sự.

**2. Nội dung cơ bản về chiến lược quốc phòng Việt nam**

***2.1 Mục tiêu***

*Mục tiêu chung*

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ lợi ích quốc gia-dân tộc; bảo vệ nền hòa bình vững chắc của đất nước; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; tham gia bảo vệ hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới. Không để đất nước bị động, bất ngờ về chiến lược, giữ vững ổn định chính trị, xã hội; đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch và các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; ngăn chặn nguy cơ chiến tranh và xung đột vũ trang; đẩy mạnh hợp tác và đấu tranh quốc phòng; xử lý thắng lợi các tình huống quốc phòng, sẵn sàng đánh thắng mọi hình thái chiến tranh xâm lược.

*Mục tiêu cụ thể*

Ngăn chặn mọi âm mưu, hành động chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ
xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị, xã hội; bảo vệ các mục tiêu chính
trị, kinh tế, quốc phòng; không để mâu thuẫn, tranh chấp phát triển thành xungđột vũ trang, chiến tranh; giữ vững môi trường hoà bình để phát triển đất nước,
tăng cường tiềm lực, sức mạnh quốc phòng.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, củng cố thế trận quốc phòng toàn
dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc, ổn định, lâu dài; sẵn sàng
chuyển các hoạt động từ thời bình sang thời chiến để bảo đảm cho chiến tranh.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh khẳng định và bảo vệ chủ quyền quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, các đảo, vùng biển của ta đang bị tranh chấp; ngăn chặn có hiệu quả các hành động xâm phạm chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc; kiên quyết đánh bại các hành động vũ trang xâm chiếm các vùng biển, đảo thuộc "ranh giới đỏ", nhưng không để phát triển thành chiến tranh lớn.

Tăng cường hợp tác, củng cố quan hệ quốc phòng ổn định, vững chắc,
lâu dài với Lào, Cam-pu-chia, phát huy truyền thống đoàn kết, gắn bó "Đông
Dương là một chiến trường" trong điều kiện mới; không để nước khác lợi dụng
lãnh thổ của Bạn làm bàn đạp chống phá Việt Nam; giữ vững thế trận phòng thủ trên hướng chiến lược Tây, Tây Nam. Hoàn thành phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Cam-pu-chia và tăng dày cột mốc. Xây dựng, bảo vệ đường biên giới trên bộ với các nước láng giềng ổn định, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Củng cố, phát triển quan hệ với tất cả các đối tác, nhất là đối tác chiến lược, đối tác toàn diện.

Xây dựng Quân đội nhân dân vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ
chức; tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; có sức mạnh tổng
hợp, sức chiến đấu ngày càng cao; tổ chức tinh, gọn, mạnh, cơ động, linh hoạt,
hiệu quả cao; cơ cấu tổ chức đồng bộ, họp lý; điều chỉnh, mở rộng, phát triển
lực lượng hợp lý, sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ tác chiến. Xây dựng lực lượng dự
bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, chất lượng cao, hiệu quả thiết thực, phù hợp với từng địa bàn, loại hình tổ chức kinh tế, xã hội.

Tăng cường hợp tác quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá về khoa học
kỹ thuật quân sự và vũ khí trang bị. Xây dựng, phát triển công nghiệp quốc
phòng tự lực, tự cường, lưỡng dụng, ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học,
công nghệ cao; đủ năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hoá vũ khí, phương tiện, trang bị, là bộ phận quan trọng của công nghiệp quốc gia, từng bước tự bảo đảm vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang; chế tạo được một số loại vũ khí có ý nghĩa chiến lược, góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Phòng, chống, đối phó có hiệu quả với chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và các thách thức an ninh phi truyền thống.

2.2. Quan điểm

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, giữ vững sự lãnh
đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với sự nghiệp quốc phòng; tăng cường
hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nền tảng chính trị, tinh thần, "thế trận lòng dân", là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp quốc phòng.

Bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ
vững môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Bảo vệ
độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu,
thường xuyên của Đảng, của cả hệ thống chính trị, là lợi ích cao nhất của quốc
gia - dân tộc.

Kiên trì đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh Nhân dân gắn với
xây dựng hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở vững mạnh; kiên quyết,
kiên trì đấu tranh giải quyết mọi tranh chấp bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở
luật pháp quốc tế, cơ chế, quy tắc khu vực. Đồng thời, sẵn sàng tự vệ khi chủ
quyền, lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc bị xâm phạm; kiên quyết đánh bại
mọi hành động xâm lược, bạo loạn, lật đổ; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam
xã hội chủ nghĩa.

Giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào nội lực là chính; kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với an ninh, đối ngoại, kinh tế, vãn hoá, xã hội; phát triển kinh tế gắn với bảo vệ quốc phòng, an ninh; xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tăng cường quan hệ hợp tác với các nước; mở rộng và đi vào chiều sâu các quan hệ về quốc phòng, tạo thuận lợi cho hội nhập trên các lĩnh vực khác; gia tăng mức độ đan xen lợi ích chiến lược với tất cả các nước, nhất là các nước lớn, đối tác chiến lược, các nước láng giềng và trong khu vực; tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, phụ thuộc; tranh thủ sự ủng hộ quốc tế thực hiện kế sách bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Tích cực và có trách nhiệm trong quá trình tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc; tham gia diễn tập và các hoạt động hợp tác quốc phòng khác ngoài lãnh thổ phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế.

Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân là lực lượng nòng cốt, cùng với
dân quân tự vệ và toàn dân bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; là lực lượng quan trọng trong hợp tác quốc tế và đấu tranh quốc phòng, góp phần giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

Thường xuyên nắm chắc tình hình, nhận diện, xử trí đúng đắn, kịp thời
về đối tác, đối tượng quốc phòng; nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu dự
báo và tham mưu chiến lược quốc phòng; không để đất nước bị bất ngờ, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức; cảnh giác, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ dẫn đến xung đột vũ trang, chiến tranh xâm lược.

2.3. Nguyên tắc

Sự nghiệp quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối,
trực tiếp về mọi mặt của Đảng, tập trung, thống nhất vào Ban Chấp hành Trung
ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự quản lý thống
nhất của Nhà nước.

Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của tất cả
các nước; bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế và cơ chế, quy tắc khu vực trong xử trí các tình huống quốc phòng.

Không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để
chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh
thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe doạ sử
dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Tăng cường hợp tác quốc phòng để bảo vệ
mình; thiết lập, củng cố quan hệ với tất cả các nước, chú trọng các đối tác chiến lược, xây dựng lòng tin, tạo sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế để ngăn ngừa nguy cơ và đối phó với chiến tranh xâm lược; sẵn sàng giúp đỡ nước khác khi được yêu cầu, bảo đảm tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và lợi ích quốc gia - dân tộc, phù hợp với Hiến chương Liên hiệp quốc, luật pháp quốc tế.

Chuẩn bị chu đáo, đồng bộ từ thời bình; phòng thủ tích cực, chủ động,
kiên cường, vững chắc, từ xa; tiến công kiên quyết, chắc thắng, linh hoạt;
giành và giữ quyền chủ động chiến lược; đánh thắng các hình thái chiến tranh
xâm lược.

2.4. Phương châm

Thực hiện "dĩ bất biến, ứng vạn biến", trong đó lợi ích quốc gia - dân tộc là bất biến; kiên định mục tiêu, nguyên tắc chiến lược, vận dụng sách lược mềm dẻo, linh hoạt; chủ động ứng phó với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động, sự biến động phức tạp của tình hình, sự đan xen, chuyển hoá phức tạp giữa đối tác và đối tượng.

Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh "người trước,
súng sau", lấy con người làm trung tâm, trọng tâm trong công tác quốc phòng.
Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, yêu nước, thương dân, có
lòng tự hào dân tộc, có tri thức, ý thức và bản lĩnh chính trị vững vàng, tư tưởng cách mạng tiến công, kiên định, trung thành với sự nghiệp cách mạng của ĐảngCộng sản Việt Nam; sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của Nhân dân; có năng lực hoạt động thực tiễn trong sự nghiệp quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời chú trọng phát triển, trang bị vũ khí, khí tài quân sự hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Giữ "trong ấm, ngoài êm", giữ nước từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa
nguy; giữ vững ổn định chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội; đấu tranh ngăn chặn
có hiệu quả các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự
diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống
tham nhũng, lãng phí, "lợi ích nhóm"; xây dựng, củng cố lòng tin, tạo thế đan
xen lợi ích chiến lược để giữ vững thế cục hoà bình, ổn định của Việt Nam là lợi ích chung của các nước. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, triệt tiêu các nhân tố có thể dẫn đến đột biến; xử lý hiệu quả các tình huống. Sử dụng lực lượng vũ trang đúng nguyên tắc; nhanh chóng dập tắt bạo loạn, không để lan rộng, kéo dài, tạo cớ cho thế lực thù địch can thiệp quân sự.

Thời bình thực hiện sự nghiệp quốc phòng là "của dân, do dân, vì dân";
thời chiến quốc phòng phải: "bám trụ, bám dân" để chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc,
bảo vệ Nhân dân.

Kiên quyết, kiên trì kết hợp vừa hợp tác vừa đấu tranh trên cơ sở nắm
vững và tuân thủ luật pháp quốc tế; thêm bạn, bớt thù; giữ cân bằng chiến lược,
tận dụng tối đa quan hệ với các nước lớn, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế rộng rãi.
Lấy đối ngoại quốc phòng làm công cụ quan trọng giải quyết tranh chấp, bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc; tạo lợi thế chính trị trong mọi biến động của tình hình, đóng góp cho hoà bình, ổn định của khu vực.

Chủ động, tích cực tiến công trên các lĩnh vực; kết hợp đấu tranh phi vũ trang với đấu tranh vũ trang, đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá; bảo đảm không để nước ngoài lợi dụng, thoả hiệp với nhau hoặc với các thế lực thù địch làm phương hại đến độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc; xử trí linh hoạt, hiệu quả từng tình huống hoặc đồng thời các tình huống quốc phòng, đánh thắng các hình thái chiến tranh.

Khi xảy ra chiến tranh xâm lược, kiên quyết giữ vững sự lãnh đạo của
Đảng, bảo vệ Đảng, chính quyền, Nhân dân. Chủ động thực hiện phương châm
"làng giữ làng, bản giữ bản, xã giữ xã, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh", không
trông chờ ỷ lại. Các ban, bộ, ngành Trung ương phải tự bảo vệ mình và chỉ đạo
ngành mình hoạt động tích cực để bảo đảm tốt cho chiến tranh theo chức năng,
nhiệm vụ được giao. Mở rộng không gian chiến tranh, thu hẹp phạm vi chiến
trường; rút ngắn thời gian chiến tranh, đồng thời sẵn sàng đánh lâu dài; tích cực chuyển hoá thế trận, tạo thế, tạo lực; không để nước ta trở thành chiến trường, địa bàn xung đột lợi ích chiến lược của các nước lớn cả trong thời bình và thờichiến; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự ủng hộ quốc tế; đánh bại ý chí xâm lược, buộc địch sa lầy về chính trị, lúng túng, bế tắc về quân sự, bất lợi về ngoại giao, không thực hiện được ý đồ chiến lược; kết thúc chiến tranh trong điều kiện, thời cơ có lợi, hạn chế tổn thất cho ta.

2.5. Phương thức

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, toàn diện, bảo vệ vững chắc hoà bình, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ mà không phải tiến hành chiến tranh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong quy hoạch phát triển vùng, các ngành kinh tế trọng điểm, địa bàn chiến lược; ưu tiên phát triển ngành, sản phẩm công nghiệp cơ bản tạo nền tảng cho công nghiệp quốc phòng, an ninh; huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội; tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc. Xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các loại hình tổ chức kinh tế - xã hội và từng vùng, miền. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững trên cả nước, mạnh ở trọng điểm. Chuẩn bị tốt, sẵn sàng chuyển đất nước tò thời bình sang thời chiến.

Quán triệt và thực hiện đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; phát huy tối đa nội lực, vị thế đất nước, thế trận đối ngoại quốc phòng; đưa quan hệ hợp tác quốc phòng cả song phương và đa phương đi vào chiều sâu, có trọng điểm, bài bản, có kế hoạch, ổn định vững chắc, thiết thực, hiệu quả; thông qua hợp tác quốc phòng để xây dựng, củng cố sự tin cậy chính trị, góp phần tạo sự đan xen, gắn kết lợi ích; tranh thủ sự ủng hộ quốc tế rộng rãi.

Dựa vào thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, thế trận lòng dân, lấy dân làm gốc; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang làm nòng cốt đấu tranh quốc phòng cả phi vũ trang và vũ trang; kết hợp sử dụng sức mạnh của trang thiết bị quân sự và vũ khí hiện đại để bảo vệ hoà bình, chủ quyền lãnh thổ; tranh thủ sự ủng hộ quốc tế rộng rãi. Thường xuyên nắm chắc tình hình, dự báo đúng ý đồ, âm mưu, hành động của các đối tượng; chuẩn bị chu đáo lực lượng, các phương án đấu tranh phù hợp với từng đối tượng, tình huống. Thực hiện đúng cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo; vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp đấu tranh; bảo vệ các mục tiêu trọng yếu, địa bàn trọng điểm chiến lược; sẵn sàng đối phó với các tình huống diễn ra đan xen, đồng thời. Kịp thời khắc phục hậu quả, khôi phục hoạt động bình thường của xã hội.

2.6. Nhiệm vụ

*- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả
quản lý của Nhà nước đối với quốc phòng*

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về
chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; tăng cường sự đoàn kết, thống nhất
trong Đảng. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận, hoàn thiện phương thức, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quốc phòng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và hoạt động của chính quyền các cấp; thực hiện nghiêm chỉnh Hiến pháp, Luật Quốc phòng, Chiếnlược Quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng cả trong thời bình và thời chiến.

*- Xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng*

Tổ chức, triển khai đồng bộ, thống nhất việc xây dựng, phát triển đất
nước giàu mạnh gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc từ
đường lối, chính sách đến biện pháp cụ thể; từ các ban, bộ, ngành Trung ương
đến địa phương. Lãnh đạo, chỉ đạo đối mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục, đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tố quốc. Đấy mạnh nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế, bảo đảm không phụ thuộc vào một thị trường, một đôi tác cụ thê. Chủ động ứng phó hiệu quả với các tác động tiêu cực, gây sức ép thông qua kinh tế từ bên ngoài.

*- Giữ vững ổn định chính trị tư tưởng; nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin, truyền thông, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và Quân đội*

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, kết hợp chặt chẽ với
công tác tổ chức, kiểm tra, giám sát, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tin
tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước.
Chú trọng tiếp tục thể chế hoá, cụ thể hoá quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng, củng cố "thế trận lòng dân", tạo nền tảng vững chắc cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đầu tư nguồn lực, đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, chủ động cung cấp thông tin, định hướng dư luận, đẩy lùi thông tin, văn hoá độc hại, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mọi người.

*- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, Quân đội Nhân dân, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*

Xây dựng, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, toàn diện gắn kết chặt chẽ với nền an ninh Nhân dân trên cả nước. Điều chỉnh thế bố trí quốc phòng đáp ứng yêu cầu phòng thủ gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển.

*- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng, góp
phần nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước, Quân đội Nhân dân Việt Nam, ngăn ngừa nguy cơ, vượt qua thách thức*

Triển khai thực hiện Chiến lược Hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc
phòng theo đường lối của Đảng là nhiệm vụ quan trọng, kế sách giữ nước từ
sớm, từ xa bằng biện pháp hoà bình; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo đảm
bình đẳng, cùng có lợi. Tăng cường và mở rộng hợp tác tin cậy với các đối tác, nhất là đối tác chiến lược, các nước lớn, nước láng giềng, bạn bè truyền thống; tập trung vào những lĩnh vực các bên có thế mạnh. Tích cực, chủ động tham gia hợp tác đa phương về quốc phòng, hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc; huấn luyện, diễn tập chung về hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm hoạ; hợp tác quốc tế khắc phục hậu quả chiến tranh

**III. CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA**

**1. Những vấn đề mới về tư duy, nhận thức**

**1.1. Tư duy mới về an ninh quốc gia, bảo vệ an ninh quốc gia**

An ninh quốc gia hiện nay mang tính đa diện, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế, tư tưởng văn hóa, quân sự, lãnh thổ, đối ngoại, đến các lĩnh vực xã hội, môi trường, thông tin, y tế, giáo dục...

Khái niệm an ninh quốc gia được xây dựng từ sự tồn tại, đe dọa trên thực tế của các mối nguy cơ đe dọa đến các giá trị sống còn, cốt lõi của quốc gia, mà trọng tâm là sự ổn định phát triển bền vững của chế độ chính trị, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích của quốc gia. Trong đó an ninh chính trị giữ vai trò hạt nhân, cốt lõi, xuyên suốt, an ninh kinh tế, tư tưởng - văn hóa giữ vai trò nền tảng.

Trong tình hình hiện nay, vấn đề an ninh quốc gia cần được hiểu một cách toàn diện hơn, rộng hơn, sâu hơn, không chỉ có các vấn đề an ninh chính trị, quân sự truyền thống, mà còn bao quát cả những vấn đề an ninh phi truyền thống, như: An ninh mạng; khủng bố, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia; an ninh tài chính - tiền tệ; an ninh năng lượng; an ninh lương thực; an ninh môi trường *(Thảm họa thiên nhiên, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước...)*, dịch bệnh;... Đây là, những vấn đề an ninh nổi lên bắt nguồn từ những nguy cơ mới, tác động đa chiều của quá trình hội nhập quốc tế và phát triển. Theo đó, an ninh quốc gia bao gồm: An ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh quân sự, an ninh biên giới, biển, đảo, an ninh đối ngoại, an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh xã hội, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh tài chính - tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh dân cư, an ninh môi trường, an ninh con người…

Bảo vệ an ninh quốc gia trước đây bao gồm các nội dung phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn xử lý âm mưu hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, loại trừ các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia. Về phương pháp luận, khái niệm bảo vệ an ninh quốc gia được xây dựng từ thực tiễn, nhất là từ các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, do dó, trong bảo vệ an ninh quốc gia phải chủ động với tinh thần an ninh chủ động, phòng ngừa giữ vị trí chiến lược. Trên cơ sở tư duy đó, quan điểm về bảo vệ an ninh quốc gia hiện nay chỉ ra bản chất của bảo vệ an ninh quốc gia là bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Về giải pháp, bảo vệ an ninh quốc gia được nâng lên ở tầm cao mới khi nhấn mạnh đến việc tạo thế và lực của quốc gia nhằm đảm bảo an ninh quốc gia bền vững, lâu dài: *Bảo vệ an ninh quốc gia là tổng thể các biện pháp xây dựng, củng cố tiềm lực an ninh quốc gia.* Nội hàm bảo vệ an ninh quốc gia cũng được mở rộng theo hướng tạo thế chủ động chiến lược khi không chỉ tập trung phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia như tinh thần của Chiến lược an ninh quốc gia năm 1998 (Trên cơ sở đó thể chế hóa tại Luật an ninh quốc gia năm 2004), mà còn chỉ rõ cần loại trừ các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia.

**1.2. Bổ sung, phát triển tư duy về đối tượng, đối tác trong bảo vệ an ninh quốc gia**

Tư duy về đối tượng, đối tác trong bảo vệ Tổ quốc được Đảng chỉ ra lần đầu tiên tại Nghị quyết Trung ương 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa 9 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc năm 2004; năm 2013, Đảng tiếp tục ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tinh tình mới, chỉ rõ tiếp tục quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng về đối tượng, đối tác đã được xác định tại Nghị quyết Trung ương 8 - Khóa IX. Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia là một bộ phận không thể tách rời trong Chiến lược tổng thể để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, qua 20 thực hiện Nghị quyết số 08 về Chiến lược an ninh quốc gia, từ tổng kết thực tiễn, đánh giá thuận lợi, khó khăn, thời cơ, nguy cơ thách thức đối với an ninh quốc gia, tại Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia lần này, Đảng chỉ rõ tiếp tục kế thừa tư duy về đối tượng, đối tác trong Chiến lược bảo vệ tổ quốc, có bổ sung, phát triển để phù hợp với công tác bảo vệ an ninh quốc gia. Theo đó, đối tượng, đối tác trong bảo vệ an ninh quốc gia không chỉ dừng lại ở mức độ xác định nguyên tắc chung, mà còn đưa ra các chỉ dẫn cụ thể để nhận diện, xử lý đúng đắn và vận dụng sáng tạo quan điểm về đối tượng, đối tác trong bảo vệ an ninh quốc gia. Điều đó giúp thống nhất nhận thức, lãnh đạo, chỉ đạo và trong tổ chức thực hiện của các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia.

**1.3. Những vấn đề mới trong xác định mục tiêu, quan điểm, phương châm chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh quốc gia**

Về mục tiêu, bảo vệ an ninh quốc gia cần đạt được mục tiêu tổng quát, đó là: bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; làm giảm tội phạm và vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh, an toàn và từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, lành mạnh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, các mục tiêu cụ thể cần đạt được:

*Một là:* Chủ động ngăn ngừa, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động;

*Hai là:* Khắc phục tình trạng sơ hở, mất cảnh giác. Phòng ngừa có hiệu quả các nguy cơ xung đột xã hội, không để xẩy ra bạo loạn, khủng bố, hình thành các tổ chức chính trị đối lập trong nước.

*Ba là:* Bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, thông tin truyền thông, an ninh mạng; bảo vệ vững chắc an ninh kinh tế - tài chính quốc gia. Kiềm chế gia tăng và làm giảm tội phạm, tạo chuyển biến rõ rệt về trật tự, an toàn xã hội, xây dựng môi trường an ninh, an toàn, lành mạnh. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ, lãng phí.

*Bốn là:* Tăng cường tiềm lực an ninh quốc gia đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Xây dựng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác bảo vệ an ninh quốc gia có đủ phẩm chất, năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

Về quan điểm, Đảng chỉ ra 7 quan điểm chỉ đạo, trong đó có những quan điểm mới. Bên cạnh việc đưa ra quan điểm thể hiện tư duy mới về an ninh quốc gia và bảo vệ an ninh quốc gia, các quan điểm của Đảng cũng chỉ ra các vấn đề đáng chú ý, như: Nhấn mạnh việc “dựa vào dân”, “yên dân” là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về an ninh phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc; đặt mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia trong mối quan hệ đồng trục với các giá trị của quốc tế..

Về phương châm, đây là lần đầu tiêu các phương châm được chỉ ra trong Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, bao gồm phương châm trong xử lý các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia; phương châm trong giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh quốc gia; phương châm trong điều tra, xử lý tội phạm trong bảo vệ an ninh quốc gia. Nội dung từng phương châm đưa ra các vấn đề có tính nguyên tắc, tính định hướng rất rõ ràng, cụ thể để giúp các cơ quan, các cấp ngành vận dụng ngay vào thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC PHÒNG VIỆT NAM, CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA

**1. Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.**

Cấp ủy, chính quyền các cấp cần quán triệt, thực hiện nghiêm nguyên tắc lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; nguyên tắc này thể hiện ở chỗ Ðảng trực tiếp quyết định chủ trương, đường lối; trực tiếp lãnh đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Những chủ trương, quan điểm, đường lối của Ðảng phải được quán triệt sâu sắc trong nội bộ Ðảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, trong lực lượng quân đội, công an và toàn dân.

Các cơ quan chức năng của Ðảng cần coi trọng việc nghiên cứu những diễn biến mới của tình hình thế giới, khu vực, trong nước; dự báo chính xác các tình huống về quốc phòng, an ninh để tham mưu cho Đảng, Nhà nước lãnh đạo, điều hành, quản lý xây dựng chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường sự lãnh đạo của Ðảng đối với Nhà nước trong quản lý, điều hành quá trình xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân trong tình hình mới là vấn đề có tính nguyên tắc; cần phân biệt có sự khác nhau giữa sự lãnh đạo của Ðảng với sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ thể chế hóa quan điểm, đường lối, nghị quyết của Ðảng thành hệ thống các quy phạm pháp luật  như luật, pháp lệnh, nghị định... và tổ chức triển khai thực hiện trên phạm vi toàn xã hội. Ðể tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc theo tinh thần Nghị quyết Ðại hội XIII của Ðảng, cần tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, các thể chế, quy định, bổ sung, hoàn thiện luật, pháp lệnh và hệ thống chính sách đối với quốc phòng, an ninh, cần xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân, trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội. Kịp thời rà soát, phát hiện những bất cập và sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa quân đội và công an, hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh từ Trung ương đến cơ sở. Xác định cụ thể cơ chế vận hành, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách về công tác quốc phòng, an ninh ở các bộ, ngành, địa phương. Ðối với các cơ quan chức năng cần tổ chức phân công cán bộ chuyên trách, tăng cường bồi dưỡng, hướng dẫn để phát huy vai trò làm tham mưu, giúp việc trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

**2. Xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh**

Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, kiên quyết đẩy lùi các nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra, củng cố niềm tin, thế trận lòng dân, thế trận quốc phòng, an ninh; xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng về mọi mặt của lực lượng vũ trang.

Tổ chức, triển khai thường xuyên, đồng bộ, thống nhất việc xây dựng, phát triển đất nước giầu mạnh gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh Nhân dân vững chắc. Đầu tư phát triển, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh; Nghiên cứu, thiết kế, quy hoạch các công trình xây dựng cơ bản ở khu vực trọng điểm lưỡng dụng; Điều chỉnh quy hoạch các vùng, miền có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Bổ sung, hoàn chỉnh quy chế, tăng cường trách nhiệm của cơ quan chủ quản, người đứng đầu; ứng dụng khoa học và công nghệ, quản lý chặt chẽ hoạt động báo chí, xuất bản, internet, mạng xã hội; bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; chấn chỉnh, xử lý nghiêm, kịp thời các sai phạm. Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ mới trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực, nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội xây dựng tiềm lực, lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh Nhân dân, nâng cao sức mạnh quốc phòng, an ninh.Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch động viên kinh tế thời kỳ đầu chiến tranh gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cả nước, từng vùng, miền; cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng tiềm lực, lực lượng, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; xác định rõ trách nhiệm, cụ thể hóa chỉ tiêu của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức.

Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, bảo đảm không phụ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể. Chủ động ứng phó hiệu quả với tác động tiêu cực, gây sức ép thông qua kinh tế từ bên ngoài.

**3. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ trong tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.**

Hiện nay, cần đổi mới, nâng cao chất lượng quán triệt, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng với tăng cường đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho mọi cán bộ, đảng viên và toàn dân, nhất là lực lượng vũ trang, đối tượng cán bộ chủ chốt bằng các hình thức, phương pháp phong phú, bảo đảm đạt hiệu quả và chất lượng cao. Cần quán triệt tư tưởng và quan điểm của Đảng ta là phải đồng thời thực hiện tốt hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta phải luôn luôn nâng cao cảnh giác cách mạng, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. Chủ động và kịp thời giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, toàn dân và toàn quân về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với nước ta, về đối tượng và đối tác của cách mạng Việt Nam. Đối với đối tượng cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, việc bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh phải được thực hiện có nền nếp theo các quy định hiện hành. Đối với đối tượng là học sinh, sinh viên, chú trọng kết hợp giữa bài giảng, hội thảo khoa học với tham quan, tham gia trực tiếp vào việc xây dựng và giữ gìn các di tích lịch sử, giúp đỡ các gia đình có công với nước, với cách mạng. Giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh đối với toàn dân, cần gắn liền với việc xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần, xây dựng "thế trận lòng dân’’, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị động viên ở cơ sở.

**4. Phát huy sức mạnh tổng hợp trong tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.**

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân mang tính toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, từng bước hiện đại được nhận thức sâu sắc và cụ thể hơn. Ðây là phương châm cơ bản của sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân ở nước ta, vừa đáp ứng yêu cầu đấu tranh trong thời bình, tạo sức mạnh ngăn chặn âm mưu gây chiến của kẻ thù, vừa đáp ứng yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Trong đó, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân có quan hệ chặt chẽ và thống nhất với nhau theo hướng hiện đại là một nội dung rất quan trọng, vừa thể hiện yêu cầu, lộ trình hiện đại hóa của nền quốc phòng, an ninh, vừa phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước và yêu cầu mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng độc lập, tự chủ, có tiềm lực mạnh, phù hợp sự phát triển của nền kinh tế đất nước, vừa đáp ứng nhu cầu quốc phòng, an ninh, vừa tham gia trực tiếp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Việc kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, xã hội và đối ngoại trở thành chiến lược quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thế trận bảo vệ Tổ quốc là sự thống nhất và kết hợp hài hòa giữa thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, cùng với các hoạt động đối ngoại nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của đất nước, vừa giữ vững ổn định, hòa bình, phát triển, ngăn chặn và đẩy lùi mọi nguy cơ chiến tranh, vừa sẵn sàng đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân còn được tạo ra bởi sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng và thế trận quốc phòng; được tổ chức, bố trí hợp lý trên phạm vi cả nước kết hợp với từng hướng, từng địa bàn chiến lược, từng địa phương, cơ sở.

**5. Thực hiện tốt vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang trong tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.**

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp; củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang trong tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược bảo vệ An ninh quốc gia, cần tích cực, chủ động chuẩn bị lực lượng đủ mạnh và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, sẵn sàng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trong mọi tình huống. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng lực lượng và thế trận của nền quốc phòng toàn dân với xây dựng lực lượng và thế trận của nền an ninh nhân dân. Xây dựng thế trận và lực lượng của quốc phòng và an ninh phải đảm bảo toàn diện, đồng bộ, quan hệ chặt chẽ, có chất lượng và hiệu quả cao trên phạm vi toàn quốc, cũng như trong từng địa bàn, từng lĩnh vực cụ thể. Có kế sách phòng, chống các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, khắc phục các yếu tố tác động tiêu cực đến sự nghiệp củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới*.* Đây là kinh nghiệm quý, một phương thức giữ nước đặc sắc của dân tộc, được Đảng ta kế thừa và phát huy đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới. Theo đó, quốc phòng và an ninh phải có đủ sức mạnh để ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến, để đất nước “không bị động, bất ngờ”; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi cho bạn bè quốc tế trong hợp tác với Việt Nam.

Giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bám sát tình hình, yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng để tổ chức, lãnh đạo và chỉ đạo sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước là cơ sở chắc chắn nhất bảo đảm cho Tổ quốc được bảo vệ vững chắc trong bối cảnh có nhiều biến động phức tạp. Hiện nay, trước sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, với âm mưu “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang hòng làm cho Quân đội và Công an mất phương hướng chính trị, xa rời mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, thì vấn đề tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với Quân đội, Công an và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc càng trở nên quan trọng, cấp bách hơn. Đây không chỉ là sự trung thành với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng lực lượng vũ trang kiểu mới của giai cấp công nhân, mà còn là đòi hỏi bức thiết từ tình hình, nhiệm vụ của cách mạng nước ta thời kỳ mới. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trên, vấn đề then chốt là phải xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ.

**6. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về quốc phòng an ninh**

Triển khai thực hiện Chiến lược Hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng và an ninh theo đường lối của Đảng là nhiệm vụ quan trọng, kế sách giữ nước từ sớm, từ xa bằng biện pháp hòa bình; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo đảm bình đẳng, cùng có lợi. Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp, tăng cường vị thế quốc tế, giữ vững độc lập, tự chủ của đất nước.

Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản pháp quy; phối hợp
chặt chẽ giữa các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương trong trao đổi
thông tin, hoạt động thực tiễn; chủ động tham mưu chiến lược về hội nhập
quốc tế, đối ngoại quốc phòng với Đảng, Nhà nước, nhất là vấn đề biển, đảo,
biên giới. Kết hợp chặt chẽ hoạt động thương mại quân sự, kinh tế quân sự, kỹ thuật quân sự và hợp tác công nghiệp quốc phòng với các hoạt động hợp tác quốc phòng khác trong một kế hoạch tổng thể. Đặc biệt chú trọng quan hệ
quốc phòng biên giới trên bộ, trên biển với các nước láng giềng, các nước lớn, các nước trong khu vực.

Kết hợp chặt chẽ hợp tác và đấu tranh, bằng các hình thức, biện pháp phù hợp với từng đối tác, tình huống, hoạt động cụ thể. Xử lý linh hoạt các mối quan hệ đối tác, nhất là với các đối tác có khác biệt lợi ích trong quan hệ với Việt Nam, phát huy vị thế địa - chiến lược, không để bị phụ thuộc vào các nước lớn, không để quan hệ với đối tác này cản trở quan hệ với đối tác khác.

Củng cố tổ chức, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng. Tuyên truyền, thông tin, tạo sự đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và dư luận quốc tế về chính sách quốc phòng của Việt Nam. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế phối hợp với các cơ quan đối ngoại, gắn kết, thu hút sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tăng cường hội nhập quốc tế về an ninh với các nước; tham gia sâu rộng, có hiệu quả vào các cơ chế hợp tác an ninh khu vực và toàn cầu; từng bước nâng cao mức độ đan xen lợi ích về an ninh theo hướng tăng cường nhận thức chung, hợp tác về các vấn đề có chung quan tâm và lợi ích; tích cực tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, hoạt động của các cơ quan, tổ chức quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

**KẾT LUẬN**

Xuất phát từ tình hình thế giới, khu vực, trong nước và sự chống phá của các thế lực thù địch là những căn cứ quan trọng để Đảng ta xây dựng Chiến lược quốc phòng, Chiến lược bảo vệ An ninh quốc gia phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nhận thức về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình hiện nay là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà nội 2011, Tập 2, tr.289 [↑](#footnote-ref-2)
2. V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2005, Tập 33, tr.104 [↑](#footnote-ref-3)
3. Trong đó, có một số yếu tố đột biến làm tăng thu ngân sách như: Thu nội địa: Thu từ XDCB vãng lai các công trình điện gió, tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuế, thu nhập cá nhân tăng do thị trường chuyển nhượng bất động sản nóng, lệ phí trước bạ chuyển nhượng bất động sản và ô tô,... Thu xuất nhập khẩu: Tăng nhập khẩu trang thiết bị các dự án điện gió; tăng nhập khẩu một số mặt hàng như máy điều hòa nhiệt độ, nước tăng lực RedBull, đường cát,... [↑](#footnote-ref-4)
4. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỉ trọng 21,42%, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng 27,54%, khu vực dịch vụ chiếm 46,59%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,45%. [↑](#footnote-ref-5)
5. Tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh đã giảm từ 15,43% năm 2015 xuống còn 6,43% năm 2020 (bình quân 1,77%/năm). [↑](#footnote-ref-6)
6. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản giảm 4,38%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 6,59%; khu vực dịch vụ tăng 5,50%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,11%. [↑](#footnote-ref-7)
7. Trong đó Thu nội địa: 2.517,988 tỷ đồng, đạt 71,9% dự toán địa phương và đạt 90,6% dự toán Trung ương, bằng 139,4% cùng kỳ năm 2021; Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 305 tỷ đồng; đạt 46,9% dự toán địa phương, đạt 46,9% dự toán Trung ương và bằng 36% so với cùng kỳ 2021. [↑](#footnote-ref-8)
8. Quyết định số 23/QĐ-SKH-TH ngày 19/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị [↑](#footnote-ref-9)
9. HĐND thành phố Đông Hà thông qua tại Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 16/11/2021 [↑](#footnote-ref-10)
10. Cụm Dự án Thủy điện Hướng Sơn; Dự án Mở rộng lưu vực bổ sung nước cho hồ chứa Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị và vùng hạ du; Dự án Thủy điện Bản Mới; Dự án Thủy điện Hướng Phùng; Dự án Thủy điện Đakrông 5; Dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng 1; Dự án Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2 và Hướng Phùng 3; Dự án Nhà máy điện gió Hướng Tân; Dự án NMĐG Tân Linh; Dự án NMĐG Liên Lập; Dự án NMĐG Hướng Hiệp 1; Dự án NMĐG Hướng Linh 3; Các Dự án NMĐG Gelex 1, 2 và 3; Dự án NMĐG Phong Huy; Dự án NMĐG Phong Nguyên; Dự án NMĐG Phong Liệu; Dự án NMĐMT Gio Thành 1 và Gio Thành 2; Dự án NMĐG Hướng Linh 4. [↑](#footnote-ref-11)
11. Cụ thể: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9 là 4.298,6 ha; Công Ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải là 8.655,8 ha; HTX Hà Xá, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong là 406 ha; Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng Quảng Trị là 4.385,204 ha; Đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải, năm 2021 không đánh giá cấp lại chứng chỉvới diện tích là 4.126,26 ha. [↑](#footnote-ref-12)
12. Khu dịch vụ - du lịch Cửa Việt, Cửa Tùng, Khu dịch vụ - du lịch ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt, Khu dịch vụ - du lịch ven biển Cửa Tùng - Địa đạo Vịnh Mốc, Khu dịch vụ - du lịch Vĩnh Thái, Khu du lịch huyện đảo Cồn Cỏ, Cảng hàng không Quảng Trị , Khu dịch vụ - du lịch Triệu An - Triệu Vân… [↑](#footnote-ref-13)
13. Quy hoạch Khu du lịch sinh thái thác Ba Vòi (huyện Đakrông), Khu du lịch sinh thái Brai -Tà Puồng (huyện Hướng Hóa) [↑](#footnote-ref-14)
14. Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 215 cơ sở lưu trú với hơn 3.218 buồng, trên 5.596 giường (71 khách sạn 1-4 sao và Khách sạn đạt tiêu chuẩn; 144 nhà nghỉ, nhà khách và Homestay)và có 05 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế, 16 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa đủ điều kiện phục vụ khách du lịch. [↑](#footnote-ref-15)
15. Khu đô thị sinh thái biển AE resort - Cửa Tùng: 442,6 tỷ đồng; Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng biển Mũi Trèo: 1.966,5 tỷ đồng; Khu Thương mại - Dịch vụ và nghỉ dưỡng cao cấp nữ hoàng bãi dài Cửa Tùng 2: 320 tỷ đồng; Sân tập Golf Quảng Trị: 40 tỷ đồng; Khu du lịch - nghỉ dưỡng Biển Vàng: 77 tỷ đồng; Khu Fantasy Resort & Spa: 61,4 tỷ đồng; khu du lịch sinh thái biển Cửa Việt: 200 tỷ đồng; Khu Aquatica - Cua Viet beach and resort: 342 tỷ đồng; Công ty cổ phần đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (Tập đoàn APEC): 900 tỷ đồng;… Ngày 12/10/2020, Tập đoàn T&T đã khởi công dự án Khu dịch vụ - du lịch Gio Hải với tổng vốn đầu tư hơn 4.470 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-16)
16. Tổ chức đón tiếp và lễ viếng cho du khách vào buổi tối tại Thành Cổ Quảng Trị, Tuyến phố lễ hội ở thị xã Quảng Trị, Lễ hội hoa đăng trên sông Thạch Hãn, Chợ đêm Phường 2 Đông Hà; Khu du lịch sinh thái Klu (Đakrông), Trằm Trà Lộc (Hải Lăng), các bãi tắm Trung Giang, Gio Hải, Cang Gián, Thủy Bạn (Gio Linh) bước đầu được chỉnh trang trở thành điểm đến thu hút đông đảo du khách; Tour du lịch ra đảo Cồn Cỏ được đưa vào khai thác, mở ra hướng phát triển mới của du lịch biển đảo với rất nhiều tiềm năng. Một số mô hình du lịch cộng đồng như vườn hoa Hướng dương (Gio Linh), vườn hoa tam giác mạch,  Bungalow 5 Mùa (Hướng Hoá),…. bước đầu đi vào hoạt động có hiệu quả, mang lại màu sắc tươi mới cho du lịch Quảng Trị. [↑](#footnote-ref-17)
17. Triển khai liên kết hợp tác phát triển du lịch 05 địa phương Quảng Nam - Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế - Quảng Trị - Quảng Bình; tham gia Hội chợ Du lịch quốc tế Việt Nam - VITM Hà Nội 2022. Phối hợp với 05 tỉnh Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam tổ chức gian hàng chung giới thiệu sản phẩm du lịch 5 địa phương tại hội chợ với thông điệp “Miền Di sản Diệu kỳ”, đồng thời tham gia ký kết hợp tác phát triển du lịch với Hải Phòng, Quảng Ninh, giai đoạn 2022 - 2025. Phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia Diễn đàn liên kết phát triển du lịch giữa Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Bắc Trung Bộ mở rộng tại tỉnh Nghệ An. [↑](#footnote-ref-18)
18. Tổ chức đoàn Caravan với chủ đề “Khám phá du lịch miền Tây Quảng Trị”; chương trình Caravan biển với chủ đề “Biển gọi”; Tăng cường liên kết hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị và 02 tỉnh Savanakhet, Salavan (Lào); hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị với các tỉnh Đông Bắc Thái Lan giai đoạn 2022 - 2023. [↑](#footnote-ref-19)
19. Trong đó, có 07 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế và 14 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa [↑](#footnote-ref-20)
20. Lượng khách đạt 772.900 lượt (khách quốc tế đat 1.940 lượt và khách nội địa 770.960 lượt); trong đó, khách lưu trú chuyên ngành đạt gần 260.190 lượt và khách tham quan đạt 512.710 lượt (tăng 76,7% so với cùng kỳ năm 2021). Doanh thu du lịch xã hội đạt 682 tỷ đồng, trong đó doanh thu lưu trú của các doanh nghiệp du lịch chuyên ngành đạt 193 tỷ đồng (tăng 41,9% so với cùng kỳ năm 2021). [↑](#footnote-ref-21)
21. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4388856248 do BQL Khu Kinh tế cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 29/3/2021;

- Quyết định số 816/QĐ-BTNMT ngày 29/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Văn bản số 5660/BCT-CT ngày 16/9/2021 của Bộ Công Thương về Hồ sơ thông báo tập trung kinh tế của Công ty VSIP, Công ty Amata Biên Hoà và Sumitomo Corporation;

- Văn bản số 1684/TTg-NN ngày 07/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đối với 160,8844 rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị để thực hiện dự án Khu công nghiệp Quảng Trị.

- Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Hải Lăng phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Quảng Trị;

- Phòng Đăng ký doanh nghiệp – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200728948, chứng nhận lần đầu ngày 08/02/2022, thành lập Công ty TNHH liên doanh phát triển Quảng Trị để thực hiện dự án Khu công nghiệp Quảng Trị.

- Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án nộp tiền trồng rừng thay thế.

- Văn bản 497/KKT-QHTN ngày 01/4/2022 của BQL Khu Kinh tế về việc thoả thuận đấu nối điểm xả thải, thoát nước mưa và giao thông vào 02 khu tái định cư.

- Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Khu công nghiệp Quảng Trị tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. [↑](#footnote-ref-22)
22. - BQL Khu Kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4327380420 ngày 31/12/2021, có Quyết định số 229/QĐ-KKT ngày 31/12/2021 sửa đổi khoản 1 Điều 3 Quyết định số 168/QĐ-KKT ngày 06/10/2021 về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

- UBND huyện Hải Lăng có Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- UBND tỉnh có Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (đại diện 04 nhà đầu tư: T&T – HEC – KOSPO – KOGAS) thuê đất đợt 1: 15.678m2.

- UBND huyện Hải Lăng cấp Giấy phép xây dựng số 03/GPXD ngày 12/01/2022 cho Tổ hợp nhà đầu tư: T&T – HEC – KOSPO – KOGAS, xây dựng công trình thuộc dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1 (1.500MW) – Phần hạ tầng kỹ thuật, hạng mục: San nền.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 351/SKH-ĐKKD ngày 28/02/2022 hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp.Sở Công Thương có Văn bản số 284/SCT-QLNL ngày 02/3/2022 hướng dẫn nhà đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án. [↑](#footnote-ref-23)